

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**  
**KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH**

-----\*\*\*-----

**TÀI LIỆU HỌC TẬP**  
**TIỂU LUẬN 2**  
**(Theo phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ)**

**Số tín chỉ :           02**  
**Ngành đào tạo:    Quản trị**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	iii
LỜI GIỚI THIỆU .....	1
ĐỀ TIỂU LUẬN 2.....	2
Phần I. XÂY DỰNG DỮ LIỆU ĐỀ BÀI.....	12
MỤC ĐÍCH.....	12
YÊU CẦU .....	12
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	12
1.1. Chọn và giới thiệu doanh nghiệp .....	12
1.2. Mô tả quy mô và đặc điểm doanh nghiệp.....	13
1.3. Chọn những vấn đề phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .....	13
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	21
Phần II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỀ QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG .....	22
MỤC ĐÍCH.....	22
YÊU CẦU .....	22
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	22
2.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu thu thập trong thực tế .....	22
2.2. Tính toán, xử lý dữ liệu.....	23
2.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp.....	33
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	41
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	46
Phần III. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT .....	49
MỤC ĐÍCH.....	49
YÊU CẦU .....	49
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	50
3.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích.....	50
3.2. Tính toán, xử lý dữ liệu.....	50
3.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp.....	57
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	69
Phần IV. PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH .....	72

MỤC ĐÍCH .....	72
YÊU CẦU .....	72
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN .....	72
4.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích.....	72
4.2. Tính toán, xử lý dữ liệu.....	73
4.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp.....	80
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	89
Phần V. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN .....	93
MỤC ĐÍCH .....	93
YÊU CẦU .....	93
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN .....	93
5.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích.....	93
5.2. Tính toán, xử lý dữ liệu.....	94
5.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp.....	100
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	110
Phần VI. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	112
MỤC ĐÍCH .....	112
YÊU CẦU .....	112
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN .....	112
6.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích.....	112
6.2. Tính toán, xử lý dữ liệu.....	113
6.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp.....	117
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	119
TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ .....	122
HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY TIỂU LUẬN 2.....	124
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	127

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CPNVLTT	:	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
DN	:	Doanh nghiệp
ĐVT	:	Đơn vị tính
KH	:	Kế hoạch
NVL	:	Nguyên vật liệu
NVLTT	:	Nguyên vật liệu trực tiếp
TT	:	Thực tế
TSCĐ	:	Tài sản cố định
SP	:	Sản phẩm
SX	:	Sản xuất
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
VLĐ	:	Vốn lưu động

## LỜI GIỚI THIỆU

Phân tích hoạt động kinh doanh là một khâu quan trọng trong hoạt động của mỗi doanh nghiệp, đó là khâu cuối cùng của quá trình kinh doanh, nhưng cũng là khâu mở đầu cho một chu kỳ sản xuất mới. Chính vì vậy, công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh luôn cần phải được quan tâm đúng mức để đánh giá đúng mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp từ đó giúp các nhà quản trị đưa ra được những quyết sách đúng đắn giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Để tổ chức tốt công tác này đòi hỏi các nhà quản trị không những nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh doanh mà còn phải xây dựng cho mình những kỹ năng phân tích, tổng hợp đưa ra đánh giá, nhận định chính xác về những mặt mạnh, yếu của doanh nghiệp.

Với mục đích giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng phân tích chuyên sâu, học phần Tiểu luận 2 luôn là một học phần được Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp và Khoa Quản trị kinh doanh chú trọng và đổi mới để đáp ứng được với sự thay đổi của môi trường kinh doanh thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của tập thể giảng viên, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường, Khoa Quản trị kinh doanh biên soạn tài liệu học tập Tiểu luận 2. Tài liệu bao gồm 6 phần:

- Phần 1: Xây dựng đề bài
- Phần 2: Phân tích kết quả sản xuất về quy mô và chất lượng
- Phần 3: Phân tích các yếu tố sản xuất
- Phần 4: Phân tích chi phí và giá thành
- Phần 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận
- Phần 6: Phân tích tình hình tài chính

Tài liệu học tập Tiểu luận 2 có sự tham gia biên soạn của: TS. Nguyễn Thị Chi, Ths. Mai Thị Lụa (Chủ biên), Ths. Đặng Thị Thu Phương. Tài liệu học tập được biên soạn dựa trên cơ sở lý thuyết của học phần Phân tích hoạt động kinh doanh và tham khảo các tài liệu trong nước, ngoài nước, cùng sự đóng góp của các đồng nghiệp với mong muốn tài liệu sẽ trở thành công cụ hữu hiệu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và là tài liệu tham khảo cho quý bạn đọc muốn tìm hiểu về công tác này. Mặc dù đã có nhiều cố gắng song tài liệu học tập không tránh khỏi những hạn chế, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý bạn đọc.

## ĐỀ TIÊU LUẬN 2

Có tài liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp như sau:

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Tổng giá trị sản xuất				
Trong đó				
- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp				
- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của khách hàng				
Phần nguyên vật liệu gia công chế biến				
- Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp				
- Giá trị phụ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi				
- Giá trị cho thuê dây chuyền máy móc thiết bị				
- Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm dở dang				
2. Tổng doanh thu bán hàng				
3. Các khoản giảm trừ				
Trong đó:				
- Chiết khấu thương mại				
+ SP A				
+ SP B				
+ SP C				
+ ...				
- Giảm giá hàng bán				
+ SP A				
+ SP B				
+ SP C				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ ... - Doanh thu hàng bán bị trả lại + SP A + SP B + SP C + ... - Thuế + SP A + SP B + SP C + ...				
4. Tổng doanh thu thuần				
5. Tổng lợi nhuận gộp				
6. Tổng lợi nhuận thuần				
7. Sản lượng sản xuất + SP A Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP B Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP C Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
. Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + ...				
8. Sản lượng tiêu thụ + SP A + SP B + SP C + ...				
9. Giá bán + SP A Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP B Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP C Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + ...				



**Bảng 2. Trích báo cáo số liệu về TSCĐ năm N, N+1**

<b>Loại</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Nguyên giá</b>		<b>Số tiền khấu hao cơ bản đã trích</b>	
		<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối năm</b>
I. Toàn bộ tài sản cố định					
1. Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh					
a. Máy móc thiết bị sản xuất					
b. Nhà cửa					
c. Phương tiện vận tải					
d. Thiết bị quản lý					
e. Các loại tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh khác					
2. Tài sản cố định phúc lợi					
3. Tài sản cố định chờ xử lý					

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất sử dụng bình quân				
2. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất hiện có bình quân				
3. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất đã lắp bình quân				
4. Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị sản xuất				
5. Tổng số giờ máy móc ngừng việc Trong đó: - Để sửa chữa - Thiết bị hỏng - Không có nhiệm vụ sản xuất - Thiếu NVL - Mất điện - Thiếu lao động - Nguyên nhân khác				
6. Tổng số ngày làm việc của máy móc thiết bị				
7. Số ca làm việc bình quân 1 máy 1 ngày				
8. Độ dài 1 ca làm việc của 1 máy				
9. Số lao động làm việc bình quân Trong đó: - Số công nhân sản xuất bình quân - Số nhân viên sản xuất bình quân - Số nhân viên quản lý kinh tế - Số nhân viên hành chính - Số nhân viên khác				
10. Tổng số giờ công làm việc có hiệu lực của lao động				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
<p>11. Số giờ công thiệt hại của lao động</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ốm đau</li> <li>- Con ốm</li> <li>- Hội họp</li> <li>- Học tập, nâng cao trình độ</li> <li>- Tai nạn lao động</li> <li>- Không có nhiệm vụ sản xuất</li> <li>- Thiếu công cụ, dụng cụ</li> <li>- Mất điện</li> <li>- Nguyên nhân khác</li> </ul>				
12. Tổng số ngày công làm việc có hiệu lực của lao động				
<p>13. Tổng chi phí</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí nhân công trực tiếp</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí sản xuất chung</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí bán hàng</li> </ul>				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí quản lý + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất sản phẩm hỏng không sửa chữa được + SP A + SP B + SP C + ...				
14. Định mức tiêu hao nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP B .NVL x .NVL y .NVL z ...				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP C .NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
15. Giá nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP B .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP C .NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
16. Giá trị phế liệu thải loại + SP A + SP B + SPC + ...				
17. Giá trị phế liệu thu hồi + SP A + SP B				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP C				
+ ...				
18. Vốn lưu động bình quân				

### **Yêu cầu**

***I. Lựa chọn và giới thiệu khái quát về doanh nghiệp bạn sẽ tiến hành phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.***

***II. Căn cứ vào các bảng trên hãy điền số liệu thực tế tại doanh nghiệp bạn đã lựa chọn và tiến hành phân tích các vấn đề sau:***

1. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu giá trị sản xuất?
2. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu giá trị sản xuất tới sự biến động của chỉ tiêu?
3. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hóa?
4. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hóa tới sự biến động của chỉ tiêu?
5. Phân tích hình hình sản xuất của doanh nghiệp theo mặt hàng chủ yếu?
6. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chất lượng sản phẩm?
7. Phân tích sự biến động tổng số lao động và từng loại?
8. Phân tích các chỉ tiêu năng suất lao động?
9. Liên hệ tình hình sử dụng ngày công, giờ công từ sự biến động chỉ tiêu năng suất lao động?
10. Phân tích việc quản lý và sử dụng ngày công của lao động?
11. Phân tích việc quản lý và sử dụng giờ công của lao động?
12. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về lao động tới sự biến động của kết quả sản xuất?
13. Phân tích sự biến động tài sản cố định?
14. Đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định?
15. Phân tích tình hình sử dụng số lượng máy móc thiết bị của doanh nghiệp?
16. Phân tích việc quản lý và sử dụng thời gian làm việc của máy móc thiết bị?
17. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về máy móc thiết bị tới sự biến động của kết quả sản xuất?
18. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành toàn bộ sản phẩm?
19. Phân tích nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được?

20. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp?
21. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nhân công trực tiếp
22. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng?
23. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm?
24. Phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu?
25. Xác định các chỉ tiêu hòa vốn?
26. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận gộp?
27. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận thuần?
28. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động?
29. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động?
30. Xác định số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí của doanh nghiệp?

# **Phần I**

## **XÂY DỰNG DỮ LIỆU ĐỀ BÀI**

### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích của phần I là hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng sau:

- Xác định doanh nghiệp cần phân tích phù hợp với yêu cầu của việc phân tích và sự am hiểu của bản thân mình.
- Tìm kiếm thông tin cơ bản giới thiệu về doanh nghiệp.
- Mô tả sơ lược về quy mô và các đặc điểm của doanh nghiệp.
- Xác định trước về nội dung, phạm vi thời gian, không gian và cách tổ chức phân tích.

### ***YÊU CẦU***

Lựa chọn và giới thiệu khái quát về doanh nghiệp bạn sẽ tiến hành phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh?

### ***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN***

#### **1.1. Chọn và giới thiệu doanh nghiệp**

Sinh viên tự lựa chọn doanh nghiệp mà mình muốn tìm hiểu và phân tích các hoạt động của doanh nghiệp đó. Việc lựa chọn này cần dựa trên cơ sở am hiểu về các khía cạnh hoạt động của doanh nghiệp.

Sau khi đã lựa chọn doanh nghiệp phù hợp, tiến hành giới thiệu doanh nghiệp một cách chi tiết và cụ thể trên các mặt sau:

\* Giới thiệu sơ lược về doanh nghiệp

- Giới thiệu thông tin tổng quan về doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp

+ Địa chỉ

+ Số điện thoại, Fax

+ Email

+ Giấy phép kinh doanh

+ Vốn điều lệ

- Lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp

+ Khái quát quá trình phát triển của doanh nghiệp từ ngày thành lập đến nay

+ Những thuận lợi và khó khăn hiện nay

+ Phương hướng hoạt động trong thời gian tới

\* Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động: doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nào, các sản phẩm chính là gì.



## **1.2. Mô tả quy mô và đặc điểm doanh nghiệp**

Việc mô tả quy mô và đặc điểm của doanh nghiệp mà sinh viên lựa chọn được thực hiện thông qua các mặt:

- Quy mô hoạt động: số lượng lao động, doanh thu, lợi nhuận...
- Tổ chức bộ máy quản lý
- + Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý
- + Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận
- Đặc điểm về áp dụng khoa học kỹ thuật trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp.
- Quy trình công nghệ
- Tổ chức sản xuất, kinh doanh

## **1.3. Chọn những vấn đề phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

Sinh viên tiến hành lựa chọn các vấn đề cốt lõi cần phân tích trong toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở học phần lý thuyết phân tích hoạt động kinh doanh và thực tiễn của doanh nghiệp.

Các vấn đề chính cần đề cập tới thường là:

- Phân tích kết quả sản xuất về quy mô và chất lượng
- Phân tích các yếu tố sản xuất
- Phân tích chi phí và giá thành
- Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận
- Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Để nghiên cứu các vấn đề trên cần chuẩn bị thu thập số liệu thực tế và kế hoạch trong 2 năm liên tiếp tại doanh nghiệp đã lựa chọn phân tích. Công tác tổ chức thực hiện phân tích sẽ đi theo trình tự của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, từ các yếu tố đầu vào tới quá trình sản xuất và kết thúc ở khâu đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhằm mục đích giúp quá trình phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp rõ ràng và logic thì việc định hình và sơ lược vẽ ra các bảng số liệu gồm các yếu tố liên quan tới các vấn đề nghiên cứu là vô cùng cần thiết. Các yếu tố trong bảng số liệu cần đảm bảo tính chính xác và phù hợp với yêu cầu phân tích.

### ***KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***

- Xác định được một doanh nghiệp phù hợp với mục đích, yêu cầu của việc phân tích hoạt động kinh doanh.

- Viết được bản giới thiệu về doanh nghiệp đã lựa chọn, bao gồm những đặc điểm cơ bản của doanh nghiệp như: tên, địa chỉ, lịch sử hình thành và phát triển, các lĩnh vực

kinh doanh kinh doanh chính, quy mô sản xuất, đặc điểm quản lý, đặc điểm công nghệ... từ đó có cái nhìn khái quát về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xác định được các chỉ tiêu, nhân tố, các yếu tố liên quan tới quá trình phân tích các khía cạnh của hoạt động sản xuất kinh doanh. Sơ lược vẽ ra được các bảng số liệu phục vụ cho công tác phân tích ở các tuần sau.

- Xác định được các nguồn tài liệu chính từ các báo cáo, văn bản nội bộ doanh nghiệp, từ các website, cách thức thu thập dữ liệu để phục vụ cho việc giới thiệu và chuẩn bị cho quá trình phân tích hoạt động kinh doanh.

- Xác định được trình tự, nội dung, phạm vi về thời gian, không gian của các vấn đề cần phân tích và cách thức tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh trong một doanh nghiệp cụ thể.

- Sơ lược vẽ ra được các bảng số liệu như sau:

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Tổng giá trị sản xuất				
Trong đó				
- Giá trị thành phẩm SX bằng NVL của DN				
- Giá trị thành phẩm SX bằng NVL của KH				
Phần nguyên vật liệu gia công chế biến				
- Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp				
- Giá trị phụ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi				
- Giá trị cho thuê dây chuyền máy móc thiết bị				
- Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm dở dang				
2. Tổng doanh thu bán hàng				
3. Các khoản giảm trừ				
Trong đó:				
- Chiết khấu thương mại				
+ SP A				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP B + SP C + ... - Giảm giá hàng bán + SP A + SP B + SP C + ... - Doanh thu hàng bán bị trả lại + SP A + SP B + SP C + ... - Thuế + SP A + SP B + SP C + ...				
4. Tổng doanh thu thuần				
5. Tổng lợi nhuận gộp				
6. Tổng lợi nhuận thuần				
7. Sản lượng sản xuất + SP A + SP B + SP C + ...				
8. Sản lượng tiêu thụ + SP A + SP B + SP C				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ ...				
9. Giá bán				
+ SP A				
+ SP B				
+ SP C				
+ ...				

**Bảng 2. Trích báo cáo số liệu về TSCĐ năm N, N+1**

Loại	ĐVT	Nguyên giá		Số tiền khấu hao cơ bản đã trích	
		Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
I. Toàn bộ tài sản cố định					
1. TSCĐ dùng trong SXKD					
a. Máy móc thiết bị sản xuất					
b. Nhà cửa					
c. Phương tiện vận tải					
d. Thiết bị quản lý					
e. Các loại TSCĐ dùng trong SXKD khác					
2. TSCĐ phúc lợi					
3. TSCĐ chờ xử lý					

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất sử dụng bình quân				
2. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất hiện có bình quân				
3. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất đã lắp bình quân				
4. Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị sản xuất				
5. Tổng số giờ máy móc ngừng việc Trong đó: - Để sửa chữa - Thiết bị hỏng - Không có nhiệm vụ sản xuất - Thiếu NVL - Mất điện - Thiết lao động - Nguyên nhân khác				
6. Tổng số ngày làm việc của máy móc thiết bị				
7. Số ca làm việc bình quân 1 máy 1 ngày				
8. Độ dài 1 ca làm việc của 1 máy				
9. Số lao động làm việc bình quân Trong đó: - Số công nhân sản xuất bình quân - Số nhân viên sản xuất bình quân - Số nhân viên quản lý kinh tế - Số nhân viên hành chính - Số nhân viên khác				
10. Tổng số giờ công làm việc có hiệu lực của lao động				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
<p>11. Số giờ công thiệt hại của lao động</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ốm đau</li> <li>- Con ốm</li> <li>- Hội họp</li> <li>- Học tập, nâng cao trình độ</li> <li>- Tai nạn lao động</li> <li>- Không có nhiệm vụ sản xuất</li> <li>- Thiếu công cụ, dụng cụ</li> <li>- Mất điện</li> <li>- Nguyên nhân khác</li> </ul>				
12. Tổng số ngày công làm việc có hiệu lực của lao động				
<p>13. Tổng chi phí</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thành công xưởng</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí nhân công trực tiếp</li> <li>+ SP A</li> <li>+ SP B</li> <li>+ SP C</li> <li>+ ...</li> <li>- Chi phí sản xuất chung</li> </ul>				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP A + SP B + SP C +... - Chi phí bán hàng + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí quản lý + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất sản phẩm hỏng không sửa chữa được + SP A + SP B + SP C + ...				
14. Định mức tiêu hao nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ...				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP B .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP C .NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
15. Giá nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP B .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP C .NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
16. Giá trị phế liệu thải loại + SP A + SP B				



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP C + ...				
17. Giá trị phế liệu thu hồi + SP A + SP B + SP C + ...				
18. Vốn lưu động bình quân				

### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

Tài liệu tham khảo và đặc biệt là các dữ liệu, số liệu thực tế giới thiệu về doanh nghiệp có vai trò quan trọng, quyết định đến tính chính xác trong cái nhìn tổng quan của người đọc về doanh nghiệp. Thông thường, có thể thu thập các tài liệu phục vụ cho các công việc trên tại phòng ban lưu trữ văn bản hành chính của doanh nghiệp, thường là phòng Tổ chức – Hành chính hoặc tại phần “Thông tin doanh nghiệp” trên website chính thức của doanh nghiệp. Các tài liệu đó thường là:

- Các tài liệu giới thiệu về tên, địa chỉ, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp
- Văn bản tuyên bố về sứ mệnh, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.
- Tài liệu về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp
- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
- Tài liệu giới thiệu về các sản phẩm của doanh nghiệp.
- Tài liệu giới thiệu về quy trình công nghệ, máy móc thiết bị của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để chuẩn bị và tiến hành phân tích tại doanh nghiệp cụ thể đảm bảo chính xác, hiệu quả thì còn có thể tham khảo công tác tổ chức thực hiện phân tích hoạt động kinh doanh tại mục 1.3. Tài liệu phân tích và tổ chức công tác phân tích trong doanh nghiệp, Chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

## **Phần II**

### **PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỀ QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG**

#### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích phần II là hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về:

- Xác định các chỉ tiêu phân tích phù hợp phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về số lượng và chất lượng.
- Thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp phục vụ quá trình phân tích.
- Tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kết quả sản xuất thông qua các dữ liệu, số liệu đã thu thập được.
- Vận dụng các phương pháp tương ứng với mục đích nghiên cứu vào việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kết quả sản xuất.
- Cách thức đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu.
- Tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

#### ***YÊU CẦU***

1. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất?
2. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất tới sự biến động của chỉ tiêu?
3. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa?
4. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa tới sự biến động của chỉ tiêu?
5. Phân tích hình hình sản xuất của doanh nghiệp theo mặt hàng chủ yếu?
6. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chất lượng sản phẩm?

#### ***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN***

##### **2.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu thu thập trong thực tế**

\* **Bước 1:** Từ yêu cầu phân tích kết quả sản xuất về quy mô, tiến hành xác định các chỉ tiêu phù hợp để phân tích. Đó là các chỉ tiêu:

Tổng giá trị sản xuất

Tổng giá trị sản lượng hàng hóa

Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu theo hiện vật

Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu theo giá trị.

\* **Bước 2:** Từ yêu cầu phân tích kết quả sản xuất về chất lượng, tiến hành xác định các sản phẩm của doanh nghiệp là sản phẩm có chia thứ hạng hay không chia thứ hạng từ đó xác định chỉ tiêu phù hợp để phân tích. Đó là các chỉ tiêu:

- Đối với sản phẩm chia thứ hạng: có thể lựa chọn sử dụng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng quá trình sản xuất sản phẩm có chia thứ hạng như sau:

+ Chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng sản phẩm: Đây là chỉ tiêu đơn giản, dễ áp dụng. Tuy nhiên, chỉ tiêu này không phản ánh được mối quan hệ giữa chất lượng với kết quả sản xuất. Mặt khác, chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp sản xuất 1 sản phẩm chia 2 thứ hạng, khi doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm, hoặc sản phẩm chia nhiều hơn 2 thứ hạng thì không thể sử dụng được chỉ tiêu này để phân tích.

+ Chỉ tiêu giá đơn vị bình quân: Đây là chỉ tiêu khắc phục được 1 phần nhược điểm của chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng, điều kiện áp dụng của chỉ tiêu này là khi doanh nghiệp sản xuất 1 sản phẩm chia nhiều thứ hạng (từ 2 thứ hạng chất lượng trở lên). Hơn nữa, thông qua chỉ tiêu này còn xác định được mối quan hệ giữa chất lượng sản xuất và kết quả sản xuất. Nhược điểm của chỉ tiêu này là không áp dụng được khi doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm và công thức tính phức tạp hơn chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng.

+ Chỉ tiêu hệ số phẩm cấp: Đây là chỉ tiêu áp dụng được đối với doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm chia nhiều thứ hạng (từ 2 thứ hạng chất lượng trở lên). Thông qua sự biến động của chỉ tiêu này cũng có thể xác định được mối quan hệ giữa chất lượng sản xuất và kết quả sản xuất. Song công thức tính chỉ tiêu này phức tạp hơn 2 chỉ tiêu trên.

- Đối với sản phẩm không chia thứ hạng: có thể lựa chọn sử dụng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng sản xuất sản phẩm không chia thứ hạng như sau:

+ Chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm cá biệt: áp dụng với doanh nghiệp sản xuất 1 sản phẩm không chia thứ hạng.

+ Chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân: áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm không chia thứ hạng.

Việc lựa chọn sử dụng chỉ tiêu nào để phân tích chất lượng quá trình sản xuất phải phụ thuộc vào mặt hàng sản xuất thực tế tại doanh nghiệp.

\* **Bước 3:** Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho quá trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô và chất lượng đã được xác định ở các bước trên. Việc thu thập tài liệu, số liệu phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và có độ tin cậy cao. Sau đó, tiến hành điền số liệu tương ứng với các yếu tố tại bảng 1.

## 2.2. Tính toán, xử lý dữ liệu

\* **Bước 1:** Xác định công thức tính chỉ tiêu

Vận dụng kiến thức đã được học và các số liệu thu thập được trong thực tế tiến hành xác định công thức phù hợp để tính chỉ tiêu. Công thức cần đảm bảo đầy đủ các nội

dung, đảm bảo nguyên tắc tính của từng chỉ tiêu, nguyên tắc sắp xếp bố trí các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu, và tính phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp nghiên cứu. Trong đó các công thức tính thường được áp dụng đó là:

- Tổng giá trị sản xuất:

$$GO = G_{tt} + G_{tc} + G_{ff} + G_{tk} + G_{cl}$$

Trong đó:  $GO$ : Tổng giá trị sản xuất

$G_{tt}$ : Giá trị thành phẩm

$G_{tc}$ : Giá trị công việc có tính chất công nghiệp làm cho bên ngoài

$G_{ff}$ : Giá trị của phụ phẩm, thứ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi

$G_{tk}$ : Giá trị của hoạt động cho thuê thiết bị máy móc trong dây chuyền sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp

$G_{cl}$ : Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của nửa thành phẩm, sản phẩm đang chế tạo dở dang trong công nghiệp

- Tổng giá trị sản lượng hàng hóa:

$$G_{sl} = G_{tt} + G_{tc}$$

$$G_{sl} = \sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}$$

Trong đó:  $G_{sl}$ : Tổng giá trị sản lượng hàng hóa

$G_{tt}$ : Giá trị thành phẩm

$G_{tc}$ : Giá trị công việc có tính chất công nghiệp làm cho bên ngoài

$q_i$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$

$p_{ik}$ : Giá bán đơn vị sản phẩm  $i$  kỳ kế hoạch

- Mặt hàng chủ yếu:

$$T_m = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1}^k \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 100(\%)$$

$$t_{mi} = \frac{q_{i1}}{q_{ik}} \times 100(\%)$$

$$T_m = \frac{Q_1^{QD}}{Q_k^{QD}} \times 100(\%)$$

Trong đó:  $q_{ik}$ : Số lượng sản phẩm  $i$  sản xuất kỳ kế hoạch

$q_{i1}^k$ : Số lượng sản phẩm  $i$  sản xuất kỳ thực tế năm trong giới hạn kế hoạch

$p_{ik}$ : Đơn giá sản phẩm  $i$  kỳ kế hoạch

$n$ : số loại sản phẩm sản xuất

$q_{i1}$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$  kỳ thực tế

$q_{ik}$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$  kỳ kế hoạch

$Q_1^{QD}$  là sản lượng thực tế đã quy đổi

$Q_k^{QD}$  là sản lượng kế hoạch đã quy đổi

- Tỷ trọng thứ hạng:

$$T_i = \frac{q_i}{\sum_{i=2}^n q_i} \times 100(\%) \text{ (sản phẩm có chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $T_i$ : Tỷ trọng thứ hạng  $i$

$q_i$ : Sản lượng sản xuất thứ hạng  $i$

- Giá đơn vị bình quân:

$$\bar{P} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_i} \text{ (sản phẩm có chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $\bar{P}$ : Giá đơn vị bình quân sản phẩm

$q_i$ : Số lượng sản phẩm thứ hạng chất lượng  $i$

$p_{ik}$ : Giá bán đơn vị sản phẩm thứ hạng chất lượng  $i$  kỳ gốc

$n$ : số lượng thứ hạng chất lượng sản phẩm

- Hệ số phẩm cấp bình quân:

$$\overline{H_f} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}} \text{ (sản phẩm có chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $\overline{H_f}$ : Hệ số phẩm cấp bình quân của sản phẩm

$p_{ik}$ : Giá bán đơn vị sản phẩm thứ hạng chất lượng  $i$  kỳ gốc

$p_{ik}$ : Giá bán đơn vị sản phẩm  $i$  kỳ gốc thứ hạng chất lượng cao nhất (loại I)

$q_i$ : Số lượng sản phẩm thứ hạng chất lượng  $i$

- Tỷ lệ phế phẩm bằng hiện vật:

$$t_{fv} = \frac{F}{TP + F} \times 100(\%) \text{ (sản phẩm không chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $t_{fv}$ : Tỷ lệ phế phẩm tính bằng hiện vật

$F$ : Số lượng phế phẩm

$TP$ : Lượng thành phẩm đúng qui cách chất lượng

- Tỷ lệ phế phẩm bằng giá trị:

$$t_{fg} = \frac{CF + C_{sc}}{C_{sx}} \times 100 (\%) \text{ (sản phẩm không chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $T_{fg}$ : Tỷ lệ phế phẩm tính bằng giá trị

$CF$ : Chi phí sản xuất sản phẩm hỏng không sửa chữa được

$C_{sc}$ : Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được

$C_{sx}$ : Chi phí sản xuất trong kỳ

- Tỷ lệ phế phẩm bình quân:

$$\overline{T}_{fg} = \frac{\sum_{i=1}^n t_{tri} \times t_{fgi}}{100} \text{ (sản phẩm không chia thứ hạng)}$$

Trong đó:  $\overline{T}_{fg}$ : Tỷ lệ phế phẩm bình quân tính bằng giá trị

$t_{tri}$ : Tỷ trọng giá trị của sản phẩm  $i$  trong tổng giá trị phẩm sản xuất trong kỳ (kết cấu mặt hàng)

$t_{fgi}$ : Tỷ lệ phế phẩm cá biệt của sản phẩm  $i$

\* **Bước 2:** Tiến hành tính toán các chỉ tiêu

Sau khi đã xác định được chỉ tiêu cần phân tích, tiến hành tính toán các chỉ tiêu dựa vào số liệu đã thu thập trong thực tế tại doanh nghiệp và công thức tính được xác định ở bước trên. Việc tính toán cần thận trọng, cần thận tránh tình trạng nhầm lẫn dẫn tới kết quả không chính xác làm sai lệch việc phân tích, đánh giá.

Cần tính toán chỉ tiêu tại 2 kỳ liên tiếp, cụ thể là:

- Tổng giá trị sản xuất:

$$GO_1 = G_{tt1} + G_{tc1} + G_{ff1} + G_{tk1} + G_{cl1} \quad GO_k = G_{ttk} + G_{tck} + G_{ffk} + G_{tkk} + G_{clk}$$

Lưu ý:  $G_{tt}$  được tính bằng tổng của giá trị thành phẩm làm bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp, giá trị thành phẩm làm bằng nguyên vật liệu của khách hàng mang tới (trừ phần giá trị nguyên vật liệu) và giá trị bán thành phẩm bán ra ngoài.

$G_{cl}$  được tính bằng hiệu của giá trị bán thành phẩm, công cụ dụng cụ cuối kỳ và đầu kỳ.

- Tổng giá trị sản lượng hàng hóa:

$$G_{sl1} = G_{tt1} + G_{tc1}$$

$$G_{slk} = G_{ttk} + G_{tck}$$

$$G_{sl1} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times P_{ik}$$

$$G_{slk} = \sum_{i=1}^n q_{ik} \times P_{ik}$$

- Tỷ trọng thứ hạng:

$$T_{i1} = \frac{q_{i1}}{\sum_{i=2}^2 q_{i1}} \times 100(\%)$$

$$T_{ik} = \frac{q_{ik}}{\sum_{i=2}^2 q_{ik}} \times 100(\%)$$

- Giá đơn vị bình quân:

$$\bar{P}_1 = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{i1}}$$

$$\bar{P}_k = \frac{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik}}$$

- Hệ số phẩm cấp bình quân:

$$\bar{H}_{f1} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}}$$

$$\bar{H}_{fk} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}}$$

- Tỷ lệ phế phẩm bằng hiện vật:

$$t_{fv1} = \frac{F_1}{TP_1 + F_1} \times 100(\%)$$

$$t_{fvk} = \frac{F_k}{TP_k + F_k} \times 100(\%)$$

- Tỷ lệ phế phẩm bằng giá trị:

$$t_{fg1} = \frac{CF_1 + C_{scl}}{C_{sxl}} \times 100(\%)$$

$$t_{fgk} = \frac{CF_k + C_{sck}}{C_{sxx}} \times 100(\%)$$

- Tỷ lệ phế phẩm bình quân:

$$\bar{T}_{fg1} = \frac{\sum_{i=1}^n t_{tri1} \times t_{fgi1}}{100}$$

$$\bar{T}_{fgk} = \frac{\sum_{i=1}^n t_{trik} \times t_{fgik}}{100}$$

\* **Bước 3:** Phân tích, đánh giá sự biến động và nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu đó.

Dựa vào các kiến thức đã được học để lựa chọn phương pháp thích hợp với các mục đích nghiên cứu. Trong đó:

- Với câu hỏi phân tích sự biến động của chỉ tiêu giá trị sản xuất, tiến hành áp dụng phương pháp so sánh với cả kỹ thuật so sánh trực tiếp và so sánh có liên hệ với một chỉ tiêu đầu vào. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch về giá trị sản xuất

So sánh tổng giá trị sản xuất kỳ thực tế với tổng giá trị sản xuất kỳ kế hoạch để xác định số tăng (giảm) tuyệt đối từ đó xác định được tỷ lệ tăng (giảm) và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tổng giá trị sản xuất.

Mức biến động tuyệt đối tổng giá trị sản xuất ( $\Delta GO$ ):

$$\Delta GO = GO_1 - GO_k$$

Tỷ lệ % tăng (giảm) tổng giá trị sản xuất =  $\frac{\Delta GO}{GO_k} \times 100(\%)$

+ Sử dụng phương pháp so sánh có liên hệ với các yếu tố đầu vào để đánh giá mức độ tiết kiệm hay lãng phí nguồn lực.

Việc so sánh trực tiếp giản đơn như trên chưa cho phép đánh giá chính xác hiệu quả sản xuất. Do vậy khi so sánh cần liên hệ kết quả đạt được với chi phí sản xuất mà doanh nghiệp đã chi ra trong kỳ theo chỉ tiêu.

Mức biến động tuyệt đối GO có liên hệ với chi phí sản xuất:

$$\Delta GO_{LH} = GO_l - GO_k \times \frac{TC_1}{TC_k}$$

$$\text{Tỷ lệ \% tăng (giảm) GO có liên hệ với chi phí sản xuất} = \frac{\Delta GO_{LH}}{GO_k \times \frac{TC_1}{TC_k}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu giá trị sản xuất tới sự biến động của chỉ tiêu, tiến hành áp dụng phương pháp cân đối. Cụ thể là:

+ Phương trình kinh tế:

$$GO = G_{tt} + G_{tc} + G_{ff} + G_{tk} + G_{cl}$$

+ Đối tượng phân tích:

$$\Delta GO = GO_l - GO_k$$

+ Phương pháp phân tích: Do các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất có mối quan hệ tổng đại số do đó áp dụng phương pháp cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này tới sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất.

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 1: Giá trị thành phẩm

$$\Delta GO_{(G_{tt})} = G_{ttl} - G_{ttk}$$

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 2: Giá trị công việc có tính chất công nghiệp

$$\Delta GO_{(G_{tc})} = G_{tcl} - G_{tck}$$

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 3: Giá trị của những phụ phẩm, thứ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi

$$\Delta GO_{(G_{ff})} = G_{ffl} - G_{ffk}$$

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 4: Giá trị của hoạt động cho thuê thiết bị máy móc trong dây chuyền sản xuất công nghiệp

$$\Delta GO_{(G_{tk})} = G_{tkl} - G_{tkk}$$

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 5: Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, công cụ mô hình tự chế

$$\Delta GO_{(G_{cl})} = G_{ccl} - G_{ckl}$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta GO = \Delta GO_{(G_{tt})} + \Delta GO_{(G_{tc})} + \Delta GO_{(G_{ff})} + \Delta GO_{(G_{tk})} + \Delta GO_{(G_{cl})}$$



- Với câu hỏi phân tích sự biến động của chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hóa, sử dụng phương pháp so sánh với cả kỹ thuật so sánh trực tiếp và so sánh có liên hệ với một chỉ tiêu đầu vào. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch về tổng giá trị sản lượng hàng hóa

So sánh tổng giá trị sản xuất kỳ thực tế với tổng giá trị sản lượng hàng hóa kỳ kế hoạch để xác định số tăng (giảm) tuyệt đối từ đó xác định được tỷ lệ tăng (giảm) và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tổng giá trị sản lượng hàng hóa.

Mức biến động tuyệt đối tổng giá trị sản lượng hàng hóa ( $\Delta G_{sl}$ ):

$$\Delta G_{sl} = G_{sl1} - G_{slk}$$

$$\text{Tỷ lệ \% tăng (giảm) tổng giá trị sản lượng hàng hóa} = \frac{\Delta G_{sl}}{G_{slk}} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng phương pháp so sánh có liên hệ với các yếu tố đầu vào để đánh giá mức độ tiết kiệm hay lãng phí nguồn lực.

Việc so sánh trực tiếp giản đơn như trên chưa cho phép đánh giá chính xác hiệu quả sản xuất. Do vậy khi so sánh cần liên hệ kết quả đạt được với chi phí sản xuất mà doanh nghiệp đã chi ra trong kỳ theo chỉ tiêu.

Mức biến động tuyệt đối tổng giá trị sản xuất có liên hệ với chi phí sản xuất:

$$\Delta G_{slLH} = G_{sl1} - G_{slk} \times \frac{TC_1}{TC_k}$$

$$\text{Tỷ lệ \% tăng (giảm) } G_{sl} \text{ có liên hệ với chi phí sản xuất} = \frac{\Delta G_{slLH}}{G_{slk} \times \frac{TC_1}{TC_k}} \times 100(\%)$$

Để biết được doanh nghiệp sản xuất hàng hóa có năng lực cao hay thấp người ta còn sử dụng chỉ tiêu hệ số sản xuất hàng hóa.

$$\text{Hệ số sản xuất hàng hóa} = \frac{G_{sl}}{GO}$$

Tiến hành tính hệ số sản xuất hàng hóa trong 2 kỳ liên tiếp, hệ số này càng tiến gần đến 1 thì chứng tỏ năng lực sản xuất hàng hóa của doanh nghiệp càng tốt. Sau đó sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để đánh giá về hiệu quả của việc sản xuất hàng hóa tại doanh nghiệp.

- Với câu hỏi phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa tới sự biến động của chỉ tiêu, tiến hành áp dụng phương pháp cân đối. Cụ thể là:

+ Phương trình kinh tế:

$$G_{sl} = G_{tt} + G_{tc}$$

+ Đối tượng phân tích:

$$\Delta G_{sl} = G_{sl1} - G_{slk}$$

+ Phương pháp phân tích: Do các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa có mối quan hệ tổng đại số do đó áp dụng phương pháp cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này tới sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa.

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 1: Giá trị thành phẩm

$$\Delta G_{sl(Gtt)} = G_{tt1} - G_{ttk}$$

. Xác định mức ảnh hưởng của yếu tố 2: Giá trị công việc có tính chất công nghiệp

$$\Delta G_{sl(Gtc)} = G_{tc1} - G_{tck}$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta G_{sl} = \Delta G_{sl(Gtt)} + \Delta G_{sl(Gtc)}$$

- Với câu hỏi phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp theo mặt hàng chủ yếu, dựa vào danh mục sản phẩm của doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp sản xuất mặt hàng chủ yếu có giá trị sử dụng khác nhau hay mặt hàng chủ yếu có quy cách sản xuất khác nhau.

+ Trong trường hợp mặt hàng chủ yếu là các sản phẩm hoàn toàn khác nhau về giá trị sử dụng tiến hành phân tích tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về mặt giá trị (phân tích chung cho toàn bộ mặt hàng) và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về mặt số lượng (phân tích từng mặt hàng), phương pháp sử dụng để phân tích là phương pháp so sánh, cụ thể như sau:

. Về mặt giá trị:

$$T_m = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1}^k \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 100(\%)$$

. Về mặt số lượng:

Tiến hành tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch từng mặt hàng chủ yếu.

$$t_{mi} = \frac{q_{i1}}{q_{ik}} \times 100(\%)$$

+ Trong trường hợp các mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp được phân ra các mức chất lượng khác nhau thì tiến hành quy đổi các mức chất lượng thấp hơn về mức chất lượng cao nhất. Để thực hiện việc quy đổi, dựa vào tiêu chuẩn chất lượng của từng thứ hạng sản phẩm để tìm ra hệ số quy đổi. Sử dụng phương pháp so sánh để phân tích chỉ tiêu tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu.

$$T_m = \frac{Q_1^{QD}}{Q_k^{QD}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chất lượng sản phẩm, cần xác định sản phẩm của doanh nghiệp có chia thứ hạng hay không. Nếu là sản phẩm có chia thứ hạng thì sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích chỉ tiêu. Nếu là sản phẩm không chia thứ hạng thì tiến hành sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để xác định sự biến động của chỉ tiêu và phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động của chỉ tiêu. Cụ thể như sau:

+ Trường hợp các sản phẩm của doanh nghiệp có chia thứ hạng

. Nếu doanh nghiệp sản xuất 1 mặt hàng có chia 2 thứ hạng thì lựa chọn phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng. Việc phân tích được tiến hành như sau:

$$T_i = \frac{Q_i}{\sum_{i=1}^2 Q_i} \times 100(\%)$$

Lưu ý: Chỉ cần tiến hành phân tích sự biến động của tỷ trọng thứ hạng I giữa hai kỳ liên tiếp bằng phương pháp so sánh trực tiếp.

$$\Delta T_I = T_{I1} - T_{Ik}$$

. Nếu doanh nghiệp sản xuất 1 mặt hàng có chia nhiều thứ hạng thì lựa chọn phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích chỉ tiêu giá đơn vị bình quân. Việc phân tích được tiến hành như sau:

$$\bar{P} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_i}$$

Tiến hành tính chỉ tiêu giá đơn vị bình quân ở 2 kỳ liên tiếp, và dùng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu này

$$\Delta \bar{P} = \bar{P}_1 - \bar{P}_k$$

Từ sự biến động của chỉ tiêu giá đơn vị bình quân tính toán được hệ quả kinh tế do sự biến động của chất lượng sản xuất thông qua mức chênh lệch tuyệt đối về giá trị sản lượng hàng hóa:

$$\Delta G_{sl} = \Delta \bar{P} \times \sum_{i=1}^n q_{i1}$$

. Nếu doanh nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng có chia nhiều thứ hạng thì lựa chọn phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích chỉ tiêu hệ số phẩm cấp bình quân. Việc phân tích được tiến hành như sau:

$$\overline{H_f} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}}$$

Tiến hành tính chỉ tiêu hệ số phẩm cấp bình quân ở 2 kỳ liên tiếp, và dùng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu này

$$\Delta \overline{H_f} = \overline{H_{f1}} - \overline{H_{fk}}$$

Từ sự biến động về hệ số phẩm cấp bình quân của sản phẩm, tính toán được hệ quả kinh tế do sự biến động của chất lượng sản xuất thông qua mức chênh lệch tuyệt đối về giá trị sản lượng hàng hóa:

$$\Delta G_{SL} = \Delta \overline{H_f} \times \sum_{i=1}^n Q_{i1} \times p_{ik}$$

+ Trường hợp các sản phẩm của doanh nghiệp không chia thứ hạng

. Doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm

Nếu doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm có thể lựa chọn sử dụng phương pháp so sánh để phân tích chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm theo hiện vật hoặc theo giá trị. Cụ thể như sau:

$$\text{Tỷ lệ phế phẩm theo hiện vật: } t_{fv} = \frac{F}{TP + F} \times 100 (\%)$$

Từ công thức tổng quát trên tiến hành tính tỷ lệ phế phẩm theo hiện vật ở 2 kỳ liên tiếp và sử dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu này.

$$\Delta t_{fv} = t_{fv1} - t_{fvk}$$

$$\text{Tỷ lệ phế phẩm theo giá trị: } t_{fg} = \frac{CF + C_{sc}}{C_{sx}} \times 100 (\%)$$

Từ công thức tổng quát trên tiến hành tính tỷ lệ phế phẩm theo giá trị ở 2 kỳ liên tiếp và sử dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu này.

$$\Delta t_{fg} = t_{fg1} - t_{fgk}$$

. Doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm

Nếu doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm thì sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích sự biến động của chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân. Cụ thể là:

Tính tỷ lệ phế phẩm bình quân ở 2 kỳ liên tiếp và mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu này

$$\overline{T_{fg1}} - \overline{T_{fgk}} = \Delta \overline{T_{fg}}$$

Để đi sâu tìm hiểu sự tác động của các nhân tố có mối quan hệ tích số lên sự biến động của chất lượng quá trình sản xuất thông qua chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân có thể sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn (hoặc số chênh lệch). Cụ thể là:

Phương trình kinh tế:

$$\overline{T}_{fg} = \frac{\sum_{i=1}^n t_{tri} \times t_{fgi}}{100}$$

Trong đó: *Kết cấu mặt hàng*  $t_{tri} = \frac{C_{sxi}}{\sum_{i=1}^n C_{sxi}} \times 100(\%)$

*Tỷ lệ phế phẩm cá biệt*  $t_{fgi} = \frac{CF_i + C_{sci}}{C_{sxi}} \times 100(\%)$

Đối tượng phân tích:  $\overline{T}_{fg1} - \overline{T}_{fgk} = \Delta \overline{T}_{fg}$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố kết cấu:

$$\Delta \overline{T}_{fg(t_r)} = \frac{\sum_{i=1}^n (t_{tri1} \times t_{fgi1})}{100} - \frac{\sum_{i=1}^n (t_{tri1} \times t_{fgi1})}{100}$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của tỷ lệ phế phẩm cá biệt:

$$\Delta \overline{T}_{fg(t_{fg})} = \frac{\sum_{i=1}^n (t_{tri1} \times t_{fgi1})}{100} - \frac{\sum_{i=1}^n (t_{tri1} \times t_{fgi1})}{100}$$

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:

$$\Delta \overline{T}_{fg} = \Delta \overline{T}_{fg(t_r)} + \Delta \overline{T}_{fg(t_{fg})}$$

### 2.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp

\* **Bước 1:** Đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp về mặt quy mô và chất lượng.

Tiến hành đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp thông qua kết quả tính toán và phân tích đã thực hiện ở phần trước. Việc đánh giá cần tiến hành chi tiết từ sự biến động của chỉ tiêu tới tác động của các nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất. Trong đó:

Với phương pháp so sánh, chỉ đánh giá được sự tăng giảm của các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô và chất lượng, với phương pháp so sánh có liên hệ đánh giá được hiệu quả của hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Khi đánh giá cần chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được, cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại.

Cụ thể đối với từng chỉ tiêu việc đánh giá được tiến hành như sau:

- Chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất:
- + Phân tích sự biến động chỉ tiêu
- . Phương pháp so sánh trực tiếp:

Từ việc sử dụng kỹ thuật so sánh trực tiếp để xử lý, phân tích số liệu, sẽ đưa ra kết luận như sau:

*Nếu:*  $\Delta GO$  (tỷ lệ % tăng (giảm)) > 0: kết luận tổng giá trị sản xuất tăng (hay vượt mức) so với kế hoạch đặt ra, cụ thể là tổng giá trị sản xuất của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng ... % so với kế hoạch tương ứng tăng...

$\Delta GO$  (tỷ lệ % tăng (giảm)) = 0: kết luận tổng giá trị sản xuất đạt được (hay hoàn thành) so với kế hoạch đặt ra.

$\Delta GO$  (tỷ lệ % tăng (giảm)) < 0: kết luận tổng giá trị sản xuất giảm (hay không hoàn thành) so với kế hoạch đặt ra, cụ thể là tổng giá trị sản xuất của doanh nghiệp kỳ thực tế chỉ đạt ...% (hoặc giảm...%) so với kế hoạch, tương ứng giảm...

. Phương pháp so sánh có liên hệ:

Từ việc sử dụng kỹ thuật so sánh có liên hệ để xử lý, phân tích số liệu, sẽ đưa ra kết luận như sau:

*Nếu:*  $\Delta GO_{LH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ) > 0: kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản xuất, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt hiệu quả hơn so với kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng tiết kiệm chi phí sản xuất, cụ thể là, tổng giá trị sản xuất của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng...% so với kế hoạch, tương ứng tăng....

$\Delta GO_{LH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ) = 0: kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản xuất, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng hợp lý chi phí sản xuất.

$\Delta GO_{LH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ) < 0: kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản xuất, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp không đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng lãng phí chi phí sản xuất, cụ thể là tổng giá trị sản xuất của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm...% so với kế hoạch, tương ứng giảm...

+ Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

Từ việc sử dụng phương pháp cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất, đưa ra kết luận sự thay đổi của từng nhân tố làm cho tổng giá trị sản xuất thay đổi như thế nào:

. Nhân tố giá trị thành phẩm tăng (giảm) làm tổng giá trị sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là... Thông thường đây là bộ phận chủ yếu nhất của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất, nó thể hiện nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng cao nhất. Nếu yếu tố này giảm thì rất có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao, ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng với khách hàng... Có thể nguyên nhân nằm ngay trong việc thực hiện các yếu tố khác của chỉ tiêu này. Nếu các yếu tố khác của chỉ tiêu này tăng lên trong khi giá trị thành phẩm giảm thì điều này phản ánh công tác quản lý và điều hành sản xuất của doanh nghiệp chưa tốt.

. Nhân tố giá trị công việc có tính chất công nghiệp làm cho bên ngoài tăng (giảm) làm tổng giá trị sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là... Nếu yếu tố này tăng lên mà không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ chính của doanh nghiệp (tăng giá trị thành phẩm) thì có khả năng doanh nghiệp đã tận dụng hết được năng lực sản xuất của mình, tạo điều kiện gia tăng giá trị sản xuất. Đây là biểu hiện tốt, doanh nghiệp cần phát huy.

. Nhân tố giá trị phụ phẩm, thứ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi tăng (giảm) làm tổng giá trị sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là... Muốn biết yếu tố này tăng hoặc giảm có phải là biểu hiện tốt hay không cần phải so sánh với số phụ phẩm, thứ phẩm, phế phẩm, phế liệu có của doanh nghiệp để xác định tỷ lệ phần trăm tiêu thụ được, tỷ lệ này càng cao thì chứng tỏ doanh nghiệp quản lý càng hiệu quả.

. Nhân tố giá trị cho thuê dây chuyền máy móc thiết bị tăng (giảm) làm tổng giá trị sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là... Nếu yếu tố này tăng lên mà không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ chính của doanh nghiệp (tăng giá trị thành phẩm) thì có khả năng doanh nghiệp đã nâng cao được hiệu quả sử dụng tài sản cố định, tạo điều kiện gia tăng giá trị sản xuất. Đây là biểu hiện tốt, doanh nghiệp cần phát huy.

. Nhân tố giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm dở dang tăng (giảm) làm tổng giá trị sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là... Việc yếu tố này tăng giảm ảnh hưởng tốt hay không tốt tới chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất thì phải căn cứ vào giá trị cuối kỳ, đầu kỳ, định mức về sản phẩm dở dang cũng như sự biến động của quá trình sản xuất thực tế của doanh nghiệp để đưa ra kết luận chính xác.

Từ đó, đưa ra kết luận về nhân tố chính làm cho chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất biến động.

- Chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa

+ Phân tích sự biến động của chỉ tiêu

. Phương pháp so sánh trực tiếp

Từ việc sử dụng kỹ thuật so sánh trực tiếp để xử lý, phân tích số liệu, sẽ đưa ra kết luận như sau:

*Nếu:*  $\Delta G_{sl}$  (tỷ lệ % tăng (giảm))  $> 0$ : kết luận tổng giá trị sản lượng hàng hóa tăng (hay vượt mức) so với kế hoạch đặt ra, cụ thể là tổng giá trị sản lượng hàng hóa của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng ... % so với kế hoạch tương ứng tăng...

$\Delta G_{sl}$  (tỷ lệ % tăng (giảm))  $= 0$ : kết luận tổng giá trị sản lượng hàng hóa đạt được (hay hoàn thành) so với kế hoạch đặt ra.

$\Delta G_{sl}$  (tỷ lệ % tăng (giảm))  $< 0$ : kết luận tổng giá trị sản lượng hàng hóa giảm (hay không hoàn thành) so với kế hoạch đặt ra, cụ thể là tổng giá trị sản lượng hàng hóa của doanh nghiệp kỳ thực tế chỉ đạt...% (hoặc giảm...%) so với kế hoạch, tương ứng giảm...

. Phương pháp so sánh có liên hệ

Từ việc sử dụng kỹ thuật so sánh có liên hệ để xử lý, phân tích số liệu, sẽ đưa ra kết luận như sau:

Nếu:  $\Delta G_{SLH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ)  $> 0$ : kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản lượng hàng hóa, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt hiệu quả hơn so với kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng tiết kiệm chi phí sản xuất, cụ thể là, tổng giá trị sản lượng hàng hóa của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng...% so với kế hoạch, tương ứng tăng....

$\Delta G_{SLH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ)  $= 0$ : kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản lượng hàng hóa, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng hợp lý chi phí sản xuất.

$\Delta G_{SLH}$  (tỷ lệ % tăng (giảm) có liên hệ)  $< 0$ : kết luận xét trong mối quan hệ với tổng chi phí sản xuất để tạo ra tổng giá trị sản lượng hàng hóa, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp không đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra hay doanh nghiệp đã sử dụng lãng phí chi phí sản xuất, cụ thể là tổng giá trị sản lượng hàng hóa của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm...% so với kế hoạch, tương ứng giảm...

+ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng

Từ việc sử dụng phương pháp cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa, đưa ra kết luận sự thay đổi của từng nhân tố làm cho tổng giá trị sản lượng hàng hóa thay đổi như thế nào:

+ Nhân tố giá trị thành phẩm tăng (giảm) làm tổng giá trị sản lượng hàng hóa tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố giá trị công việc có tính chất công nghiệp làm cho bên ngoài tăng (giảm) làm tổng giá trị sản lượng hàng hóa tăng (giảm) 1 lượng là...

Từ đó, đưa ra kết luận về nhân tố chính làm cho chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa biến động.

- Phân tích tình hình sản xuất thông qua mặt hàng chủ yếu

+ Trường hợp sản phẩm có giá trị sử dụng khác nhau

. Về mặt giá trị

Từ việc tính toán đưa ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch về toàn bộ mặt hàng chủ yếu hay không.

Nếu:  $T_m = 100(\%)$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất toàn bộ mặt hàng chủ yếu. Điều này cho thấy, doanh nghiệp đã quản lý và vận hành quá trình sản xuất có hiệu quả, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ về sản xuất các mặt hàng chính yếu, các đơn đặt hàng tốt.



$T_m < 100(\%)$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch sản xuất toàn bộ mặt hàng chủ yếu, cụ thể kết quả sản xuất mặt hàng chủ yếu chỉ đạt ... % so với kế hoạch đặt ra. Điều này cho thấy, doanh nghiệp đã không thực hiện tốt công tác lập kế hoạch sản xuất, phân bổ nguồn lực và quản lý quá trình sản xuất khiến không hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

Việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp có thể dẫn đến: Đối với sản phẩm không đạt kế hoạch doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không thực hiện được các đơn đặt hàng đã ký, không đủ sản phẩm bán ra trên thị trường. Đối với sản phẩm vượt kế hoạch chưa chắc doanh nghiệp đã tiêu thụ được dẫn đến ứ đọng sản phẩm, ứ đọng vốn của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

. Về mặt số lượng

Từ việc tính toán đưa ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch về từng mặt hàng chủ yếu hay không.

Nếu:  $t_{mi} > 100(\%)$ : doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất mặt hàng i, cụ thể là kết quả sản xuất mặt hàng i tăng ... % so với kế hoạch đặt ra.

$t_{mi} = 100(\%)$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng i

$t_{mi} < 100(\%)$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng i, cụ thể kết quả sản xuất mặt hàng chủ yếu i chỉ đạt (hoặc giảm) ... % so với kế hoạch đặt ra.

+ Trường hợp các mặt hàng chủ yếu có quy cách sản xuất khác nhau

Từ việc tính toán đưa ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch về mặt hàng chủ yếu hay không.

Nếu:  $T_m > 100(\%)$ : doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu, cụ thể là kết quả sản xuất mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp tăng... % so với kế hoạch.

$T_m = 100(\%)$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu.

$T_m < 100(\%)$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu, cụ thể kết quả sản xuất mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp chỉ đạt (hoặc giảm) ... % so với kế hoạch

- Phân tích chất lượng của quá trình sản xuất

+ Trường hợp sản phẩm có chia thứ hạng

. Chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng

Sau khi tính được mức chênh lệch tuyệt đối của tỷ trọng thứ hạng I sẽ đưa ra kết luận về sự biến động chất lượng sản xuất như sau:

Nếu  $\Delta T_I > 0$ : tỷ trọng thứ hạng I kỳ thực tế tăng lên ... %, điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

$\Delta T_I = 0$ : tỷ trọng thứ hạng I kỳ thực tế không đổi, điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta T_I < 0$ : tỷ trọng thứ hạng I kỳ thực tế giảm xuống ... %, điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm.

. Chỉ tiêu giá đơn vị bình quân

Sau khi tính được mức chênh lệch tuyệt đối của giá đơn vị bình quân giữa 2 kỳ, sẽ đưa ra kết luận về sự biến động chất lượng sản xuất như sau:

Nếu  $\Delta \bar{P} > 0$ : giá đơn vị bình quân kỳ thực tế tăng lên ... (nghìn đồng/ sản phẩm, triệu đồng/ sản phẩm...), điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

$\Delta \bar{P} = 0$ : giá đơn vị bình quân kỳ thực tế không đổi, điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta \bar{P} < 0$ : giá đơn vị bình quân kỳ thực tế giảm xuống ... (nghìn đồng/ sản phẩm, triệu đồng/ sản phẩm...), điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm.

. Chỉ tiêu hệ số phẩm cấp bình quân

Sau khi tính được mức chênh lệch tuyệt đối của hệ số phẩm cấp bình quân giữa 2 kỳ, sẽ đưa ra kết luận về sự biến động chất lượng sản xuất như sau:

Nếu  $\Delta \overline{H}_f > 0$ : hệ số phẩm cấp bình quân kỳ thực tế tăng lên ..., điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

$\Delta \overline{H}_f = 0$ : hệ số phẩm cấp bình quân kỳ thực tế không đổi, điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta \overline{H}_f < 0$ : hệ số phẩm cấp bình quân kỳ thực tế giảm xuống ..., điều đó chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm.

+ Trường hợp sản phẩm không chia thứ hạng

. Doanh nghiệp sản xuất một loại sản phẩm

Sau khi tính toán được mức chênh lệch tuyệt đối về tỷ lệ phế phẩm theo hiện vật giữa 2 kỳ, sẽ đưa ra kết luận về sự biến động chất lượng sản xuất như sau:

Nếu:  $\Delta t_{fv} > 0$ : tỷ lệ phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng lên, cụ thể là tăng... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm xuống.

$\Delta t_{fv} = 0$ : tỷ lệ phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế không đổi, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta t_{fv} < 0$ : tỷ lệ phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm xuống, cụ thể là giảm... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

Sau khi tính toán được mức chênh lệch tuyệt đối về tỷ lệ phế phẩm theo giá trị giữa 2 kỳ, sẽ đưa ra kết luận về sự biến động chất lượng sản xuất như sau:

Nếu:  $\Delta t_{fg} > 0$ : tỷ lệ về chi phí cho phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng lên, cụ thể là tăng... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm xuống.

$\Delta t_{fg} = 0$ : tỷ lệ về chi phí cho phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế không đổi, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta t_{fg} < 0$ : tỷ lệ về chi phí cho phế phẩm của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm xuống, cụ thể là giảm... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

. Doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm

Sau khi tính toán được mức chênh lệch của chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân sẽ đưa ra kết luận về chất lượng sản xuất của doanh nghiệp như sau:

Nếu:  $\Delta \overline{T}_{fg} > 0$ : tỷ lệ phế phẩm bình quân của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng lên, cụ thể là tăng... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất giảm xuống.

$\Delta \overline{T}_{fg} = 0$ : tỷ lệ phế phẩm bình quân của doanh nghiệp kỳ thực tế không đổi, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất không đổi.

$\Delta \overline{T}_{fg} < 0$ : tỷ lệ phế phẩm bình quân của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm xuống, cụ thể là giảm... %, chứng tỏ chất lượng của quá trình sản xuất tăng lên.

Sau khi tính toán được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động của chỉ tiêu, sẽ đưa ra kết luận về sự thay đổi của nhân tố làm chỉ tiêu thay đổi như thế nào, cụ thể là:

Nhân tố tỷ trọng sản phẩm thay đổi làm tỷ lệ phế phẩm bình quân tăng (giảm) 1 lượng là...

Nhân tố tỷ lệ phế phẩm cá biệt thay đổi làm tỷ lệ phế phẩm bình quân tăng (giảm) 1 lượng là...

Từ đó rút ra kết luận về nhân tố chính làm tỷ lệ phế phẩm bình quân biến động.

\* **Bước 2**: Tìm nguyên nhân của những hạn chế.

Sau khi đánh giá sự biến động của chỉ tiêu cũng như sự tác động của các nhân tố lên sự biến động đó, cần tiến hành tìm hiểu nguyên nhân thực tế dẫn tới những hạn chế mà doanh nghiệp gặp phải. Các nhóm nguyên nhân phổ biến cần đi sâu tìm hiểu là:

- Nguyên nhân ảnh hưởng tới chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất và tổng giá trị sản lượng hàng hóa:

+ Nhóm nguyên nhân thuộc về cung cấp và sử dụng vật liệu: Nguyên vật liệu được cung cấp đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, kịp thời, đảm bảo tiến độ chưa.

+ Nhóm các nguyên nhân thuộc về tư liệu lao động: Trình độ trang bị và tình trạng của máy móc thiết bị đã đầy đủ, phù hợp chưa.

+ Nhóm các nguyên nhân thuộc về người lao động: Lực lượng sản xuất đã đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ, tay nghề và được bố trí thích hợp chưa. Việc tôn trọng qui tắc, qui phạm kỹ thuật có tốt không.

+ Nhóm các nguyên nhân thuộc về quản lý: Năng lực, trình độ của nhà quản trị đã tốt chưa. Việc lập kế hoạch sản xuất đã phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp chưa. Chỉ thị công tác, thiết kế sản phẩm đúng chưa.

+ Nhóm các nguyên nhân về khoa học kỹ thuật công nghệ: quá trình ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp có được quan tâm, thực hiện thường xuyên không.

- Nguyên nhân ảnh hưởng tới việc không hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu

+ Việc đảm bảo nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất không đúng qui cách, chủng loại mặt hàng và không đầy đủ kịp thời theo yêu cầu kế hoạch mặt hàng.

+ Chưa đảm bảo cân đối giữa các yếu tố sản xuất như lao động, nguyên vật liệu, thiết bị và tiền vốn.

+ Tổ chức điều hành sản xuất chưa chặt chẽ, sự phối hợp giữa các phân xưởng, với bên ngoài không ăn khớp.

+ Coi nhẹ mặt hàng này, chú trọng mặt hàng khác.

+ Công tác hạch toán thiếu chính xác, không kịp thời.

+ Năng suất lao động giữa các khâu sản xuất ở các bộ phận không đồng đều.

+ Các nguyên nhân khách quan khác.

- Nguyên nhân ảnh hưởng tới việc hoàn thành kế hoạch sản xuất về mặt chất lượng

+ Chất lượng nguyên vật liệu kém, không đảm bảo

+ Tình trạng máy móc, thiết bị quá cũ

+ Không tôn trọng qui tắc, qui phạm kỹ thuật.

+ Chỉ thị công tác, thiết kế sai.

+ Làm dối, làm ẩu.

+ Trình độ tay nghề kém.

+ Khi sản xuất nước rút có trường hợp không chú ý đến chất lượng sản phẩm...

Đồng thời nghiên cứu trên thực tiễn điều kiện của doanh nghiệp đang phân tích để làm cơ sở vững chắc cho quá trình đề ra giải pháp ở phần sau.

\* **Bước 3:** Đề xuất giải pháp

Từ nguyên nhân tìm được và điều kiện thực tế của doanh nghiệp tiến hành đề ra các giải pháp phù hợp và khả thi đồng thời cần đưa ra các kế hoạch cụ thể về thời gian, bộ phận thực hiện các giải pháp và kết quả cần đạt được nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh để giúp quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong thời gian

tới đạt kết quả và hiệu quả hơn nữa cả về số lượng và chất lượng. Một lưu ý rằng có bao nhiêu nguyên nhân của hạn chế còn tồn tại thì sẽ cần đưa ra bấy nhiêu giải pháp khắc phục.

### ***KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu thu thập trong thực tế***

- Xác định được các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô đó là các chỉ tiêu: tổng giá trị sản xuất, tổng giá trị sản lượng hàng hóa, tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu theo giá trị và hiện vật.

- Xác định được doanh nghiệp sản xuất sản phẩm có chia thứ hạng hay không chia thứ hạng. Từ đó xác định được các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt chất lượng đó là: chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng, giá đơn vị bình quân, hệ số phẩm cấp đối với các sản phẩm có chia thứ hạng; Tỷ lệ phế phẩm bình quân đối với các sản phẩm không chia thứ hạng.

- Xác định được các căn cứ để thu thập tài liệu, số liệu, nguồn tài liệu phục vụ cho quá trình phân tích kết quả sản xuất về mặt quy mô và chất lượng và điền vào các dòng tương ứng trong bảng 1 và bảng 3.

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Tổng giá trị sản xuất				
Trong đó				
- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của doanh nghiệp				
- Giá trị thành phẩm sản xuất bằng nguyên vật liệu của khách hàng				
Phần nguyên vật liệu gia công chế biến				
- Giá trị các công việc có tính chất công nghiệp				
- Giá trị phụ phẩm, phế phẩm, phế liệu thu hồi				
- Giá trị cho thuê dây chuyền máy móc thiết bị				
- Giá trị chênh lệch giữa cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm dở dang				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
<p>7. Sản lượng sản xuất</p> <p>+ SP A</p> <p>Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thứ hạng I</li> <li>. Thứ hạng II</li> <li>. Thứ hạng III</li> <li>...</li> </ul> <p>+ SP B</p> <p>Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thứ hạng I</li> <li>. Thứ hạng II</li> <li>. Thứ hạng III</li> <li>...</li> </ul> <p>+ SP C</p> <p>Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thứ hạng I</li> <li>. Thứ hạng II</li> <li>. Thứ hạng III</li> <li>...</li> </ul> <p>+ ...</p>				
<p>9. Giá bán</p> <p>+ SP A</p> <p>Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thứ hạng I</li> <li>. Thứ hạng II</li> <li>. Thứ hạng III</li> <li>...</li> </ul> <p>+ SP B</p> <p>Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Thứ hạng I</li> </ul>				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
. Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP C Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + ...				

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
13. Tổng chi phí Trong đó: - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí nhân công trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất chung + SP A + SP B				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP C + ... - Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất sản phẩm hỏng không sửa chữa được + SP A + SP B + SP C + ...				

**\* Tính toán, xử lý dữ liệu**

- Xác định được đúng công thức tính các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô: tổng giá trị sản xuất, tổng giá trị sản lượng hàng hóa, tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu theo giá trị và hiện vật.

- Thực hiện thành thạo, linh hoạt các công thức tính các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô. Cần tính toán được giá trị của các chỉ tiêu này ở cả 2 kỳ thực hiện và kỳ gốc nhằm làm cơ sở cho quá trình phân tích ở tuần tiếp theo.

- Xác định được đúng công thức tính các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt chất lượng: chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng, chỉ tiêu giá đơn vị bình quân, chỉ tiêu hệ số phẩm cấp bình quân, tỷ lệ phế phẩm bình quân.

- Thực hiện thành thạo, linh hoạt các công thức tính các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt chất lượng. Cần tính toán được giá trị của các chỉ tiêu này ở cả 2 kỳ thực hiện và kỳ gốc nhằm làm cơ sở cho quá trình phân tích ở tuần tiếp theo.

- Sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp phân tích tương ứng với từng mục đích nghiên cứu và từng đối tượng nghiên cứu. Từ công thức và kết quả tính toán, phải tiến hành lựa chọn phương pháp phân tích phù hợp, với việc phân tích sự biến động của chỉ tiêu phải sử dụng phương pháp so sánh, sau đó để nghiên cứu sâu về sự tác động của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu, phải sử dụng phương pháp loại trừ hoặc cân đối để phân tích. Trong đó, phải tính được:

+ Sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất, tính được mức hiệu quả hay không hiệu quả so với kỳ gốc.



+ Mức ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất lên sự biến động của chỉ tiêu này.

+ Sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa, tính được mức hiệu quả hay không hiệu quả so với kỳ gốc.

+ Mức ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa lên sự biến động của chỉ tiêu này.

+ Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu theo giá trị và hiện vật.

+ Sự biến động tỷ trọng các thứ hạng giữa hai kỳ.

+ Sự biến động giá đơn vị bình quân giữa hai kỳ và hệ quả kinh tế do sự biến động của chỉ tiêu này.

+ Sự biến động hệ số phẩm cấp bình quân giữa hai kỳ và hệ quả kinh tế do sự biến động của chỉ tiêu này.

+ Sự biến động của chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân giữa hai kỳ và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu này.

- Phân tích được các chỉ tiêu phải cho thấy được rõ nét sự biến động qua các thời kỳ của chỉ tiêu và mức độ tác động của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu.

#### **\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

- Đánh giá chính xác được tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp thông qua việc tính toán phân tích. Việc đánh giá này phải đưa ra được kết luận về sự tăng (giảm) tương đối và tuyệt đối của chỉ tiêu phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả không, sử dụng nguồn lực lãng phí hay tiết kiệm. Đồng thời, chỉ ra được sự biến động của từng nhân tố nhân tố làm chỉ tiêu phân tích biến động như thế nào. Trong đó, phải đánh giá được:

+ Sự biến động chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất, xác định được doanh nghiệp sản xuất hiệu quả hơn hay không so với kỳ gốc.

+ Sự tác động của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu, chỉ ra nhân tố chính làm thay đổi chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất.

+ Sự biến động chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa, xác định được doanh nghiệp sản xuất hiệu quả hơn hay không so với kỳ gốc.

+ Sự tác động của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu, chỉ ra nhân tố chính làm thay đổi chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa.

+ Doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu không, nếu không thì phải chỉ ra được mặt hàng nào không hoàn thành kế hoạch.

+ Sự biến động chỉ tiêu tỷ trọng thứ hạng, từ đó kết luận chất lượng quá trình sản xuất tăng hay giảm.

+ Sự biến động chỉ tiêu giá đơn vị bình quân, từ đó kết luận chất lượng quá trình sản xuất tăng hay giảm.

+ Sự biến động chỉ tiêu hệ số phẩm cấp, từ đó kết luận chất lượng quá trình sản xuất tăng hay giảm.

+ Sự biến động của chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân, từ đó kết luận chất lượng quá trình sản xuất tăng hay giảm.

+ Sự tác động của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu tỷ lệ phế phẩm bình quân, chỉ ra được nhân tố nào là nhân tố chính gây nên sự biến động đó.

- Chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được và các hạn chế còn tồn tại.

- Tìm ra được nguyên nhân của các mặt yếu kém một cách chính xác trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Phải chỉ ra được sự tác động từ 5 nhóm nguyên nhân chính cả về số lượng và chất lượng lên các chỉ tiêu: máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, trình độ lao động, trình độ quản lý và khoa học kỹ thuật.

- Đề xuất được các giải pháp khả thi và hiệu quả nhằm phát huy những mặt mạnh và khắc phục hạn chế giúp kết quả sản xuất của doanh nghiệp tốt hơn.

### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu thu thập trong thực tế***

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô có thể tham khảo tại:

+ Mục 2.1, chương 2, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích kết quả sản xuất về quy mô hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích kết quả sản xuất về mặt quy mô.

+ Tài liệu và số liệu phục vụ phân tích có thể được thu thập thông qua:

. Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức sản xuất của doanh nghiệp.

. Các tài liệu về danh mục sản phẩm chính, sản phẩm chủ yếu, sản phẩm theo đơn đặt hàng.

. Các tài liệu hạch toán liên quan tới tổng giá trị sản xuất, tổng giá trị sản lượng, sản lượng sản xuất, đơn giá cố định, chi phí sản xuất.

. Các biên bản họp hội nghị của doanh nghiệp.

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt chất lượng có thể tham khảo tại:

+ Mục 2.3, chương 2, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng.

+ Tài liệu và số liệu phục vụ phân tích có thể được thu thập thông qua:

. Danh mục sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất.

. Các tài liệu về sản lượng sản xuất, đơn giá cố định của các sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất.

. Các tài liệu về chi phí sản xuất và thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức.

#### **\* *Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Để thực hiện việc tính toán và xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt quy mô có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 2.1, chương 2, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích kết quả sản xuất về quy mô hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng.

- Để thực hiện việc tính toán, xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất về mặt chất lượng có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 2.3, chương 2, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng.

#### **\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

Có thể tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả sản xuất tại:

- Mục 2.1.4, chương 2, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

- Các tài liệu về kết quả sản xuất kinh doanh và giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước.

- Các bảng tài liệu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp những năm trước.

### **Phần III**

## **PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT**

### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích phần III là hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về:

- Xác định các chỉ tiêu phân tích phù hợp phản ánh sự biến động của các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp.
- Thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp phục vụ cho quá trình phân tích.
- Tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình lao động và tài sản cố định thông qua các dữ liệu, số liệu đã thu thập được.
- Vận dụng các phương pháp tương ứng với mục đích nghiên cứu vào việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình lao động và tài sản cố định.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu.
- Phát hiện nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp tiết kiệm nguồn lực để hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

### ***YÊU CẦU***

1. Phân tích sự biến động tổng số lao động và từng loại?
2. Phân tích các chỉ tiêu năng suất lao động?
3. Liên hệ tình hình sử dụng ngày công, giờ công từ việc phân tích các chỉ tiêu năng suất lao động?
4. Phân tích việc quản lý và sử dụng ngày công của lao động?
5. Phân tích việc quản lý và sử dụng giờ công của lao động?
6. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về lao động tới sự biến động của kết quả sản xuất?
7. Phân tích sự biến động tài sản cố định?
8. Đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định?
9. Phân tích tình hình sử dụng số lượng máy móc thiết bị của doanh nghiệp?
10. Phân tích việc quản lý và sử dụng thời gian làm việc của máy móc thiết bị?
11. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về máy móc thiết bị tới sự biến động của kết quả sản xuất?

Các yêu cầu trên tương ứng với các yêu cầu từ số 7 đến yêu cầu số 17 trong đề bài tiểu luận 2.

## **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

### **3.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích**

\* **Bước 1:** Xác định chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động về cả số lượng và chất lượng.

+ Chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động về số lượng là: Số lao động bình quân

+ Chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động về chất lượng là: Năng suất lao động bình quân, số ngày công, số giờ công.

\* **Bước 2:** Xác định chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tài sản cố định. Các chỉ tiêu là:

Nguyên giá tài sản cố định

Hệ số hao mòn

Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có

Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp đặt vào sản xuất

Hệ số sử dụng thiết bị hiện có

Số giờ công của máy móc thiết bị

\* **Bước 3:** Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho quá trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động và tài sản cố định đã được xác định ở bước trên. Việc thu thập tài liệu, số liệu phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và có độ tin cậy cao. Sau đó, tiến hành điền số liệu tương ứng với các yếu tố tại bảng 2 và 3.

### **3.2. Tính toán, xử lý dữ liệu**

\* **Bước 1:** Xác định công thức tính chỉ tiêu

Dựa vào việc vận dụng kiến thức đã được học và các số liệu thu thập được trong thực tế tiến hành xác định công thức phù hợp để tính chỉ tiêu. Công thức cần đảm bảo đầy đủ các nội dung, đảm bảo nguyên tắc tính của từng chỉ tiêu, nguyên tắc sắp xếp bố trí các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu, và tính phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu. Trong đó các công thức tính thường được áp dụng đó là:

+ Năng suất lao động bình quân 1 giờ 1 người 1 ngày:

$$\overline{W}_g = \frac{GO}{\sum g}$$

Trong đó:  $GO$ : Tổng giá trị sản xuất

$\sum g$ : tổng số giờ làm việc thực tế

+ Năng suất lao động bình quân 1 ngày 1 người:

$$\overline{W}_n = \frac{GO}{\sum n}$$

Trong đó:  $\sum n$ : tổng số ngày làm việc thực tế

$GO$ : Tổng giá trị sản xuất

+ Năng suất lao động bình quân 1 năm 1 người:

$$\overline{W} = \frac{GO}{S}$$

Trong đó:  $S$ : Số lao động bình quân

$GO$ : Tổng giá trị sản xuất

+ Tổng số ngày công:

$$\sum n = \overline{S} \times \overline{N}$$

Trong đó:  $\sum n$ : Tổng số ngày làm việc của toàn bộ lao động

$\overline{N}$ : số ngày làm việc bình quân 1 người

$\overline{S}$ : Số lao động bình quân

+ Tổng số giờ công:

$$\sum g = \overline{S} \times \overline{N} \times \overline{g}$$

Trong đó:  $\sum g$ : tổng số giờ làm việc thực tế

$\overline{S}$ : Số lao động bình quân

$\overline{N}$ : số ngày làm việc bình quân 1 người

$\overline{g}$ : số giờ làm việc bình quân 1 người 1 ngày

+ Hệ số hao mòn:

$$H_m = \frac{T_{kh}}{NG}$$

Trong đó:  $H_m$ : Hệ số hao mòn TSCĐ

$T_{kh}$ : Số tiền khấu hao đã trích

$NG$ : Nguyên giá TSCĐ

+ Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có:

$$H_i = \frac{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân}}$$

+ Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp đặt vào sản xuất:

$$H_{sl} = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân}}{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân}}$$

+ Hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có:

$$H_s = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân}}$$

+ Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị:

$$\sum g = \overline{SM} \times \overline{N} \times \overline{g}$$

Trong đó:  $\sum g$ : tổng số giờ làm việc thực tế

$\overline{SM}$ : Số máy làm việc bình quân

$\overline{N}$ : số ngày làm việc bình quân 1 máy

$\overline{g}$ : số giờ làm việc bình quân 1 máy 1 ngày

\* **Bước 2:** Tiến hành tính toán các chỉ tiêu

Từ công thức tổng quát, tiến hành tính toán các chỉ tiêu ở 2 kỳ liên tiếp dựa vào số liệu đã thu thập trong thực tế và công thức tính được xác định ở bước trên. Việc tính toán cần thận trọng, cần thận tránh tình trạng nhầm lẫn dẫn tới kết quả không chính xác làm sai lệch việc phân tích, đánh giá. Cụ thể là:

+ Năng suất lao động bình quân 1 giờ 1 người 1 ngày

$$\overline{W}_{g1} = \frac{GO_1}{\sum g_1} \qquad \overline{W}_{gk} = \frac{GO_k}{\sum g_k}$$

+ Năng suất lao động bình quân 1 ngày 1 người:

$$\overline{W}_{n1} = \frac{GO_1}{\sum n_1} \qquad \overline{W}_{nk} = \frac{GO_k}{\sum n_k}$$

+ Năng suất lao động bình quân 1 năm 1 người:

$$\overline{W}_1 = \frac{GO_1}{S_1} \qquad \overline{W}_k = \frac{GO_k}{S_k}$$

+ Tổng số ngày công:

$$\sum n_1 = \overline{S}_1 \times \overline{N}_1 \qquad \sum n_k = \overline{S}_1 \times \overline{N}_k$$

+ Tổng số giờ công:

$$\sum g_1 = \overline{S}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{g}_1 \qquad \sum g_k = \overline{S}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{g}_k$$

+ Hệ số hao mòn:

$$H_{m1} = \frac{T_{kh1}}{NG_1} \qquad H_{mk} = \frac{T_{khk}}{NG_k}$$

+ Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có:

$$H_{il} = \frac{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân thực tế}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân thực tế}}$$



$$H_{ik} = \frac{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân kế hoạch}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân kế hoạch}}$$

+ Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp đặt vào sản xuất:

$$H_{sl1} = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân thực tế}}{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân thực tế}}$$

$$H_{slk} = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân kế hoạch}}{\text{Số lượng thiết bị đã lắp bình quân kế hoạch}}$$

+ Hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có:

$$H_{sl} = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân thực tế}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân thực tế}}$$

$$H_{sk} = \frac{\text{Số lượng thiết bị làm việc thực tế bình quân kế hoạch}}{\text{Số lượng thiết bị hiện có bình quân kế hoạch}}$$

+ Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị:

$$\sum g_1 = \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{g}_1 \quad \sum g_k = \overline{SM}_k \times \overline{N}_k \times \overline{g}_k$$

\* **Bước 3:** Phân tích, đánh giá sự biến động và nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu đó.

Dựa vào các kiến thức đã được học để lựa chọn phương pháp thích hợp với các mục đích nghiên cứu. Trong đó:

- Với câu hỏi phân tích sự biến động số lao động và từng loại, sử dụng phương pháp so sánh với cả kỹ thuật so sánh trực tiếp và so sánh có liên hệ với 1 yếu tố đầu ra. Việc phân tích lần lượt từ tổng số lao động tới từng loại lao động. Cụ thể là:

+ Sử dụng kỹ thuật so sánh trực tiếp để đánh giá về biến động quy mô lao động

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về số lượng lao động

$$\Delta \overline{S} = \overline{S}_1 - \overline{S}_k$$

Tính tỷ lệ % tăng (giảm) về số lượng lao động

$$T_s = \frac{\Delta \overline{S}}{\overline{S}_k} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng kỹ thuật so sánh có liên hệ với 1 yếu tố đầu ra để đánh giá về việc sử dụng lao động tiết kiệm hay lãng phí

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về số lượng lao động có liên hệ với chỉ tiêu kết quả sản xuất

$$\Delta \overline{S}_{LH} = \overline{S}_1 - \overline{S}_k \times \frac{GO_1}{GO_k}$$

Tính tỷ lệ % tăng (giảm) về số lượng lao động có liên hệ với chỉ tiêu kết quả sản xuất

$$T_{LHs} = \frac{\Delta \overline{S}_{LH}}{\overline{S}_k \times \frac{GO_1}{GO_k}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích các chỉ tiêu năng suất lao động và liên hệ tình hình sử dụng ngày công, giờ công, tiến hành tính cả 3 loại năng suất lao động, sau đó sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để so sánh các loại năng suất này ở kỳ thực tế so với kế hoạch và với năm trước. Cụ thể là:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối của cả 3 chỉ tiêu năng suất lao động.

$$\Delta \overline{W} = \overline{W}_1 - \overline{W}_k$$

$$\Delta \overline{W}_n = \overline{W}_{n1} - \overline{W}_{nk}$$

$$\Delta \overline{W}_g = \overline{W}_{g1} - \overline{W}_{gk}$$

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của cả 3 chỉ tiêu năng suất lao động.

$$T_{\overline{W}} = \frac{\overline{W}_1}{\overline{W}_k} \times 100(\%)$$

$$T_{\overline{W}_n} = \frac{\overline{W}_{n1}}{\overline{W}_{nk}} \times 100(\%)$$

$$T_{\overline{W}_g} = \frac{\overline{W}_{g1}}{\overline{W}_{gk}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi liên hệ tình hình sử dụng ngày công, giờ công từ sự biến động chỉ tiêu năng suất lao động, dựa trên cơ sở của sự tăng (giảm) về các loại năng suất lao động để đưa ra kết luận.

- Với câu hỏi phân tích việc quản lý và sử dụng ngày công của lao động, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp để tìm ra sự biến động của ngày công và rút ra được hệ quả kinh tế từ sự biến động đó. Cụ thể là:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về tổng số ngày công lao động

$$\Delta \sum n = \sum n_1 - \sum n_k^d = \sum n_1 - \sum n_k \times \frac{\overline{S}_1}{\overline{S}_k}$$

$$\Delta \sum n = (n_{cd} - n_{vl} + n_t) - (n_{cd} - n_{vk} \times \frac{\bar{S}_1}{S_k})$$

Sau đó để thấy được ảnh hưởng của số ngày công tăng (giảm) đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất thì người ta lấy ngày tăng giảm đó nhân với năng suất bình quân ngày kế hoạch.

$$\Delta G_{SL} = \Delta \sum n \times \bar{W}_{nk}$$

- Với câu hỏi phân tích việc quản lý và sử dụng giờ công của lao động, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp để tìm ra sự biến động của giờ công và rút ra được hệ quả kinh tế từ sự biến động đó. Cụ thể là:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về tổng số ngày công lao động

$$\Delta \sum g = \sum g_1 - \sum g_k^d = (\bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_1) - (\bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_k)$$

Sau đó để thấy được ảnh hưởng của số giờ công tăng (giảm) đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất thì người ta lấy giờ tăng (giảm) đó nhân với năng suất bình quân giờ kế hoạch.

$$\Delta G_{SL} = \Delta \sum g \times \bar{W}_{gk}$$

- Với câu hỏi phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về lao động tới sự biến động của kết quả sản xuất, sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch để phân tích. Cụ thể là:

Ta có phương trình kinh tế tổng quát như sau:

$$GO = \bar{S} \times \bar{N} \times \bar{g} \times \bar{W}_g$$

Đối tượng phân tích:  $\Delta GO = GO_1 - GO_k$

Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố ta có:

+ Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố số lao động bình quân.

$$\Delta GO_{(\bar{S})} = \bar{S}_1 \times \bar{N}_k \times \bar{g}_k \times \bar{W}_{gk} - \bar{S}_k \times \bar{N}_k \times \bar{g}_k \times \bar{W}_{gk}$$

+ Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố ngày làm việc bình quân.

$$\Delta GO_{(\bar{N})} = \bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_k \times \bar{W}_{gk} - \bar{S}_1 \times \bar{N}_k \times \bar{g}_k \times \bar{W}_{gk}$$

+ Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố giờ làm việc bình quân.

$$\Delta GO_{(\bar{g})} = \bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_1 \times \bar{W}_{gk} - \bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_k \times \bar{W}_{gk}$$

+ Thay thế lần 4: Ảnh hưởng của năng suất lao động bình quân giờ.

$$\Delta GO_{(\bar{W}_g)} = \bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_1 \times \bar{W}_{g1} - \bar{S}_1 \times \bar{N}_1 \times \bar{g}_1 \times \bar{W}_{gk}$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta GO = \Delta GO_{(\bar{S})} + \Delta GO_{(\bar{N})} + \Delta GO_{(\bar{g})} + \Delta GO_{(\bar{W}_g)}$$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động tài sản cố định, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là

+ So sánh giữa tốc độ và tỷ trọng tăng của từng loại tài sản cố định giữa thực tế với kế hoạch, giữa cuối kỳ và đầu năm.

$$\text{Tốc độ tăng (giảm)} = \frac{\text{Cuối kỳ} - \text{đầu kỳ}}{\text{Đầu kỳ}} \times 100(\%)$$

$$\text{Tỷ trọng tăng (giảm)} = \text{Tỷ trọng cuối kỳ} - \text{Tỷ trọng đầu kỳ}$$

$$\text{Tỷ trọng đầu kỳ} = \frac{\text{Đầu kỳ}}{\text{Tổng số tài sản cố định đầu kỳ}} \times 100(\%)$$

$$\text{Tỷ trọng cuối kỳ} = \frac{\text{Cuối kỳ}}{\text{Tổng số tài sản cố định cuối kỳ}} \times 100(\%)$$

+ So sánh về nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ và đầu kỳ:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ so với đầu kỳ

$$NG_c - NG_d = \Delta NG$$

- Với câu hỏi đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là:

So sánh hệ số hao mòn cuối kỳ với đầu kỳ của toàn bộ hay của từng loại tài sản cố định riêng sẽ thấy được sự biến động về tình trạng kỹ thuật chung của toàn bộ tài sản cố định cũng như của từng loại tài sản cố định riêng biệt trong doanh nghiệp.

$$\Delta H_m = H_{m_c} - H_{m_d}$$

- Với câu hỏi phân tích tình hình sử dụng số lượng máy móc thiết bị của doanh nghiệp, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối của cả 3 chỉ tiêu

$$\Delta H_i = H_{i1} - H_{ik}$$

$$\Delta H_{sl} = H_{sl1} - H_{slk}$$

$$\Delta H_s = H_{s1} - H_{sk}$$

- Với câu hỏi phân tích việc quản lý và sử dụng thời gian làm việc của máy móc thiết bị, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là:

So sánh số giờ làm việc có hiệu lực thực tế với kế hoạch đã tính chuyển theo số máy thực tế:

$$\Delta \sum g = \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{g}_1 - \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{g}_k$$

Sau đó để thấy được ảnh hưởng của số giờ công tăng (giảm) đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất thì người ta lấy giờ tăng (giảm) đó nhân với năng suất bình quân giờ máy kế hoạch.

$$\Delta G_{sl} = \Delta \Sigma g \times \overline{U}_{gk}$$

- Với câu hỏi phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về máy móc thiết bị tới sự biến động của kết quả sản xuất, sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch để phân tích. Cụ thể là:

Với phương trình kinh tế tổng quát là:

$$GO = \overline{SM} \times \overline{N} \times \overline{Ca} \times \overline{D} \times \overline{U}_g$$

Đối tượng phân tích:  $\Delta GO = GO_1 - GO_k$

Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố ta có:

+ Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố số máy móc làm việc bình quân.

$$\Delta GO_{(\overline{SM})} = (\overline{SM}_1 - \overline{SM}_k) \times \overline{N}_k \times \overline{Ca}_k \times \overline{D}_k \times \overline{U}_{gk}$$

+ Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố ngày làm việc bình quân 1 máy

$$\Delta GO_{(\overline{N})} = \overline{SM}_1 \times (\overline{N}_1 - \overline{N}_k) \times \overline{Ca}_k \times \overline{D}_k \times \overline{U}_{gk}$$

+ Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố ca làm việc bình quân 1 máy 1 ngày

$$\Delta GO_{(\overline{Ca})} = \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times (\overline{Ca}_1 - \overline{Ca}_k) \times \overline{D}_k \times \overline{U}_{gk}$$

+ Thay thế lần 4: Ảnh hưởng của nhân tố độ dài bình quân 1 ca máy

$$\Delta GO_{(\overline{D})} = \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{Ca}_1 \times (\overline{D}_1 - \overline{D}_k) \times \overline{U}_{gk}$$

+ Thay thế lần 5: Ảnh hưởng của năng suất lao động bình quân giờ.

$$\Delta GO_{(\overline{U}_g)} = \overline{SM}_1 \times \overline{N}_1 \times \overline{Ca}_1 \times \overline{D}_1 \times (\overline{U}_{g1} - \overline{U}_{gk})$$

+ Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta GO = \Delta GO_{(\overline{SM})} + \Delta GO_{(\overline{N})} + \Delta GO_{(\overline{Ca})} + \Delta GO_{(\overline{D})} + \Delta GO_{(\overline{U}_g)}$$

### 3.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp

\* **Bước 1:** Đánh giá tình hình thực hiện các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.

Tiến hành đánh giá các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất của doanh nghiệp thông qua kết quả tính toán và phân tích đã thực hiện ở phần trước. Việc đánh giá cần tiến hành chi tiết từ sự biến động của chỉ tiêu và sự tác động chúng lên sự biến động của kết quả sản xuất. Trong đó:

Với phương pháp so sánh chỉ đánh giá được sự tăng giảm của các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố đầu vào, với phương pháp so sánh có liên hệ đánh giá được hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tiết kiệm hay lãng phí các yếu tố đó.

Khi đánh giá cần chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được, cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại.

Cụ thể việc đánh giá từng chỉ tiêu như sau:

- Đánh giá sự biến động về quy mô lao động

+ Kỹ thuật so sánh trực tiếp: kết luận được về sự tăng (giảm) quy mô lao động.

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về số lượng lao động ở 2 kỳ liên tiếp đưa ra kết luận:

Nếu:  $\Delta \bar{S} > 0$  thì số lượng lao động kỳ thực tế tăng so với kế hoạch, cụ thể là tăng... % tương ứng tăng... người.

$\Delta \bar{S} = 0$  thì số lượng lao động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch.

$\Delta \bar{S} < 0$  thì số lượng lao động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, cụ thể là giảm... % tương ứng giảm... người

Nhìn chung, nếu tỷ trọng và tốc độ tăng lao động trực tiếp lớn hơn tỷ trọng và tốc độ tăng lao động gián tiếp mà không ảnh hưởng tới kết quả sản xuất thì chứng tỏ doanh nghiệp đã phân bổ lao động hợp lý, tạo điều kiện sử dụng lao động tốt hơn.

+ Kỹ thuật so sánh có liên hệ với yếu tố đầu ra: kết luận về việc sử dụng lao động tiết kiệm hay lãng phí của doanh nghiệp như sau:

Nếu:  $\Delta \bar{S}_{LH} > 0$  thì doanh nghiệp sử dụng lãng phí lao động, cụ thể là lãng phí... % lao động tương ứng lãng phí... người. Đây là dấu hiệu không tốt, doanh nghiệp cần đưa ra biện pháp khắc phục.

$\Delta \bar{S}_{LH} = 0$  thì doanh nghiệp sử dụng hợp lý lao động.

$\Delta \bar{S}_{LH} < 0$  thì doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm lao động, cụ thể là tiết kiệm... % lao động tương ứng tiết kiệm... người so với kế hoạch. Đây là dấu hiệu tốt, doanh nghiệp cần phát huy.

- Đánh giá sự biến động các chỉ tiêu năng suất lao động.

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về các loại năng suất lao động, đưa ra kết luận cho từng loại.

. Với năng suất lao động bình quân 1 người.

Nếu  $\Delta \bar{W} > 0$ : doanh nghiệp hoàn thành vượt mức về năng suất lao động bình quân 1 người, cụ thể năng suất lao động bình quân tăng... % tương ứng tăng... nghìn đồng/ người (triệu đồng/ người...). Đây là dấu hiệu tốt, doanh nghiệp cần phát huy

$\Delta \bar{W} = 0$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân 1 người.

$\Delta \bar{W} < 0$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân 1 người, cụ thể năng suất lao động bình quân giảm... %, tương ứng giảm... nghìn

đồng/ người (triệu đồng/ người...). Đây là dấu hiệu không tốt, doanh nghiệp cần có biện pháp nhằm khắc phục kịp thời.

. Với năng suất lao động bình quân ngày 1 người

Nếu  $\Delta \overline{W}_n > 0$ : doanh nghiệp hoàn thành vượt mức về năng suất lao động bình quân ngày 1 người, cụ thể năng suất lao động bình quân ngày tăng... % tương ứng tăng... Đây là dấu hiệu tốt, doanh nghiệp cần phát huy

$\Delta \overline{W}_n = 0$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân ngày 1 người.

$\Delta \overline{W}_n < 0$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân ngày 1 người, cụ thể là năng suất lao động bình quân ngày giảm... % tương ứng giảm... Đây là dấu hiệu không tốt, doanh nghiệp cần có biện pháp nhằm khắc phục kịp thời.

. Với năng suất lao động bình quân giờ.

Nếu  $\Delta \overline{W}_g > 0$ : doanh nghiệp hoàn thành vượt mức về năng suất lao động bình quân giờ 1 ngày 1 người, cụ thể là năng suất lao động bình quân giờ tăng... % tương ứng tăng... Đây là dấu hiệu tốt, doanh nghiệp cần phát huy

$\Delta \overline{W}_g = 0$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân giờ 1 ngày 1 người.

$\Delta \overline{W}_g < 0$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch năng suất lao động bình quân giờ 1 ngày 1 người, cụ thể năng suất lao động bình quân giờ tăng... % tương ứng tăng... Đây là dấu hiệu không tốt, doanh nghiệp cần có biện pháp nhằm khắc phục kịp thời.

- Từ sự biến động năng suất lao động kết luận cho thời gian làm việc của người lao động:

Nếu tốc độ và tỷ trọng tăng năng suất bình quân của 1 người lao động lớn hơn tốc độ và tỷ trọng tăng năng suất lao động bình quân ngày của 1 người lao động  $T_w > T_{w_n}$  thì kết luận số ngày làm việc thực tế bình quân của 1 người lao động lớn hơn số ngày làm việc kế hoạch bình quân  $\overline{N}_1 > \overline{N}_k$

Nếu tốc độ và tỷ trọng tăng năng suất lao động bình quân ngày của 1 người lao động lớn hơn tốc độ và tỷ trọng tăng năng suất lao động bình quân giờ của 1 người lao động  $T_{w_n} > T_{w_g}$  kết luận là số giờ làm việc thực tế bình quân của 1 người lao động lớn hơn số giờ làm việc kế hoạch bình quân  $\overline{g}_1 > \overline{g}_k$ .

- Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng ngày công lao động

Từ việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về ngày công lao động, kết luận:

Nếu  $\Delta \sum n > 0$  thì số ngày công của doanh nghiệp thực tế tăng lên, cụ thể tăng... ngày

$\Delta \sum n = 0$  thì số ngày công của doanh nghiệp thực tế không đổi

$\Delta \sum n < 0$  thì số ngày công của doanh nghiệp thực tế giảm xuống, cụ thể giảm... ngày.

- Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng giờ công lao động

Từ việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về giờ công lao động, đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta \sum g > 0$  thì số giờ công của doanh nghiệp thực tế tăng lên, cụ thể tăng lên... giờ

$\Delta \sum g = 0$  thì số giờ công của doanh nghiệp thực tế không đổi

$\Delta \sum g < 0$  thì số giờ công của doanh nghiệp thực tế giảm xuống, cụ thể giảm xuống... giờ.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới chỉ tiêu kết quả sản xuất

Từ việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng, kết luận cho từng mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tới sự biến động của chỉ tiêu kết quả sản xuất. Cụ thể là:

+ Nhân tố số lao động bình quân tăng (giảm)... người làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố số ngày làm việc bình quân 1 người tăng (giảm)... ngày/ người làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố số giờ làm việc bình quân 1 người 1 ngày tăng (giảm)... giờ/ ngày làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố năng suất lao động bình quân giờ tăng (giảm)... làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

Cần kết luận được nhân tố nào là nhân tố chính làm cho kết quả sản xuất biến động.

- Đánh giá sự biến động tài sản cố định

Dựa vào việc tính toán tốc độ tăng (giảm) tài sản cố định và sự tăng (giảm) về tỷ trọng của tài sản cố định cuối kỳ so với đầu kỳ có kết luận như sau:

. Nếu tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh có tốc độ và tỷ trọng tăng lớn hơn tốc độ và tỷ trọng tăng của các loại tài sản khác thì chứng tỏ doanh nghiệp đã quản lý tài sản cố định tốt, và ngược lại.

. Nếu máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh có tốc độ và tỷ trọng tăng lớn hơn tốc độ và tỷ trọng tăng của các loại tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh khác thì chứng tỏ doanh nghiệp đã quản lý tài sản cố định tốt, và ngược lại.

. Nếu tài sản cố định dự trữ thực tế bằng đúng số kế hoạch thì chứng tỏ doanh nghiệp quản lý tài sản cố định tốt, và ngược lại.

- Đánh giá tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định



Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về hệ số hao mòn tài sản cố định cuối kỳ và đầu kỳ, có kết luận như sau:

Hệ số này càng tiến gần đến 1 thì càng nói lên sự cũ kỹ và lạc hậu bấy nhiêu, người lại càng tiến gần đến 0 nói lên TSCĐ mới được trang bị và càng có khả năng tiến tiến.

Nếu:  $\Delta H_m > 0$ : Hệ số hao mòn thực tế tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... Chứng tỏ tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định đã giảm do quá trình sử dụng, điều này là do doanh nghiệp không mua sắm thêm tài sản cố định bù đắp đủ vào sự cũ đi của tài sản cố định hiện có.

$\Delta H_m = 0$ : Hệ số hao mòn thực tế không thay đổi so với kế hoạch. Chứng tỏ tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định của doanh nghiệp không đổi, do doanh nghiệp đã mua sắm bù đắp đủ số tài sản cố định cũ đi.

$\Delta H_m < 0$ : Hệ số hao mòn thực tế giảm so với kế hoạch. Chứng tỏ tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định không đổi hoặc tăng lên, nguyên nhân trong trường hợp này có thể do trong kỳ có sự đầu tư tăng thêm tài sản cố định.

Để đánh giá chính xác hơn cần kết hợp với phòng Kỹ thuật của công ty để xem xét hồ sơ từng loại TSCĐ, đánh giá mức độ lạc hậu của từng loại và có hướng đổi mới các TSCĐ đó.

- Đánh giá tình hình sử dụng số lượng máy móc thiết bị của doanh nghiệp.

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của cả 3 chỉ tiêu, đưa ra kết luận như sau:

. Chỉ tiêu hệ số lắp đặt thiết bị hiện có

Nếu:  $\Delta H_i > 0$ : Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có đã tăng lên, cụ thể tăng lên... Điều là dấu hiệu tốt cho thấy doanh nghiệp đã kịp thời lắp đặt thiết bị hiện có và có thể huy động vào sản xuất.

$\Delta H_i = 0$ : Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có không đổi. Doanh nghiệp hoàn thành đúng kế hoạch lắp đặt thiết bị hiện có.

$\Delta H_i < 0$ : Hệ số lắp đặt thiết bị hiện có đã giảm xuống, cụ thể giảm xuống... Điều này là không tốt, cho thấy số máy móc doanh nghiệp mua về mà chưa kịp thời lắp đặt tăng lên, gây là lãng phí cho doanh nghiệp.

. Chỉ tiêu hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất

Nếu:  $\Delta H_{sl} > 0$ : Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất đã tăng lên, cụ thể tăng lên... Điều này cho thấy doanh nghiệp đã kịp thời huy động các thiết bị đã lắp đặt hoặc dự trữ vào sản xuất, đây là biểu hiện tốt.

$\Delta H_{sl} = 0$ : Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất không đổi. Doanh nghiệp thực hiện đúng kế hoạch đưa thiết bị đã lắp vào sản xuất.

$\Delta H_{sl} < 0$ : Hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất đã giảm xuống, cụ thể là giảm xuống... Điều này là không tốt, cho thấy số máy móc doanh nghiệp đã lắp đặt xong hoặc đang dự trữ được huy động vào sản xuất trong thực tế đã giảm xuống, gây là lãng phí cho doanh nghiệp.

. Chỉ tiêu hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có

Nếu:  $\Delta H_s > 0$ : Hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có đã tăng lên, cụ thể là tăng lên... Điều này cho thấy doanh nghiệp đã kịp thời huy động các thiết bị vào sản xuất, đây là biểu hiện tốt.

$\Delta H_s = 0$ : Hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có không đổi. Doanh nghiệp hoàn thành đúng kế hoạch về việc đưa máy móc thiết bị hiện có vào sản xuất.

$\Delta H_s < 0$ : Hệ số sử dụng máy móc thiết bị hiện có đã giảm xuống, cụ thể là giảm xuống... Điều này là không tốt, cho thấy số máy móc doanh nghiệp được huy động vào sản xuất trong thực tế đã giảm xuống, gây là lãng phí cho doanh nghiệp.

- Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng thời gian làm việc của máy móc thiết bị

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về tổng giờ công của máy móc thiết bị, đưa ra kết luận:

Nếu:  $\Delta \sum g > 0$ : Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng lên... giờ máy

$\Delta \sum g = 0$ : Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị không đổi so với kế hoạch

$\Delta \sum g < 0$ : Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị giảm xuống so với kế hoạch, cụ thể giảm... giờ máy.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đặc thù về máy móc thiết bị lên sự biến động của kết quả sản xuất

Dựa vào việc phân tích, tính toán ảnh hưởng của các nhân tố đặc thù về máy móc thiết bị đưa ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của kết quả sản xuất như sau:

+ Nhân tố số máy móc bình quân tăng (giảm)... máy làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố số ngày làm việc bình quân 1 máy tăng (giảm)... ngày/ máy làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố số ca làm việc bình quân 1 máy 1 ngày tăng (giảm)... ca/ ngày làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố số giờ làm việc bình quân 1 máy 1 ca tăng (giảm)... giờ/ ca làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

+ Nhân tố năng suất lao động bình quân giờ máy tăng (giảm)... làm cho kết quả sản xuất tăng (giảm) 1 lượng là...

Từ đó rút ra kết luận nhân tố nào là nhân tố chính làm cho kết quả sản xuất biến động.

\* **Bước 2:** Tìm nguyên nhân của những hạn chế.

Sau khi đánh giá sự biến động của chỉ tiêu cũng như sự tác động của chúng lên sự biến động của chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất, cần tiến hành tìm hiểu nguyên nhân thực tế dẫn tới những hạn chế mà doanh nghiệp gặp phải. Nguyên nhân này có thể đến từ: máy móc thiết bị, số lượng và trình độ lao động, năng lực quản lý, sự tiến bộ hay lạc hậu của khoa học kỹ thuật, số lượng và chủng loại nguyên vật liệu...

Các nguyên nhân này cần phải được tìm hiểu và nghiên cứu trên thực tiễn điều kiện của doanh nghiệp đang phân tích để làm cơ sở vững chắc cho quá trình đề ra giải pháp ở phần sau.

Chẳng hạn một số nguyên nhân cụ thể làm biến động lao động như sau:

- Nguyên nhân về tăng số lượng lao động:

+ Tuyển dụng thêm mới

+ Cán bộ được điều động từ các đơn vị khác về

- Nguyên nhân về giảm số lượng lao động:

+ Sa thải, bỏ việc.

+ Nghỉ hưu

Một số nguyên nhân cụ thể có thể kể đến làm biến động TSCĐ như là:

- Nguyên nhân về tăng tài sản cố định

+ Do cơ quan cấp trên cấp.

+ Do mua sắm thêm tài sản cố định bằng nguồn vốn tự có và coi như tự có của doanh nghiệp, do đơn vị khác bán cho doanh nghiệp.

+ Do đưa nhanh những tài sản cố định chưa dùng vào sản xuất lắp đặt máy móc thiết bị.

+ Do chuyển từ công cụ lao động nhỏ lên góp vốn liên doanh.

- Nguyên nhân giảm tài sản cố định là:

+ Do thanh lý tài sản cố định.

+ Do nhượng bán những tài sản cố định không cần dùng.

+ Do mất hoặc đem góp vốn tài sản cố định.

\* **Bước 3:** Đề xuất giải pháp

Từ nguyên nhân tìm được và điều kiện thực tế của doanh nghiệp cần đề ra các giải pháp phù hợp và khả thi đồng thời cần đưa ra các kế hoạch cụ thể về thời gian, kết quả cần đạt được nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh để giúp quá

trình sản xuất của doanh nghiệp trong thời gian tới đạt kết quả và hiệu quả hơn nữa. Lưu ý rằng tìm ra bao nhiêu nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại thì sẽ phải đề ra bấy nhiêu giải pháp nhằm khắc phục.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý các yếu tố đầu vào có thể tham khảo đó là:

- Đối việc quản lý lao động về mặt quy mô: Để phân bổ lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc doanh nghiệp cần có những giải pháp cụ thể trong việc quản trị nguồn nhân lực của mình:

+ Phải xây dựng chiến lược nguồn nhân lực ở doanh nghiệp một cách hoàn thiện để phục vụ tốt yêu cầu thực hiện chiến lược kinh doanh ở doanh nghiệp.

+ Có những cải tiến hoàn thiện khâu tuyển dụng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến lược quản trị nguồn nhân lực như: phân tích công việc thật kỹ trước khi tuyển dụng, tìm nguồn tuyển dụng dồi dào, tổ chức quy trình tuyển dụng hợp lý... để có nguồn nhân lực phù hợp phân bổ cho các bộ phận trong sản xuất kinh doanh.

+ Cần có chính sách bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao tay nghề nghiệp vụ thường xuyên cho người lao động để đáp ứng được công việc đang thực hiện hoặc hoàn thành một nhiệm vụ có yêu cầu cao hơn.

+ Có chính sách tiền lương tiền thưởng phù hợp nhằm khuyến khích người lao động hăng say làm việc, có ý thức nâng cao kết quả và hiệu quả công việc của mình.

+ Có các chính sách khác thỏa đáng như y tế, phúc lợi, cải thiện môi trường làm việc...

+ Tổ chức tốt công tác thi đua khen thưởng, quản lý tốt ngày công, giờ công...

- Đối với việc nâng cao năng suất lao động:

+ Phân bổ hợp lý lao động vào các bộ phận và kết hợp chặt chẽ trong quá trình sản xuất.

+ Nâng cao trình độ và tay nghề cho người lao động.

+ Tổ chức tốt các hoạt động phục vụ nơi làm việc.

+ Xây dựng các định mức tiên tiến trong lao động.

+ Tạo các điều kiện thuận lợi và các trang thiết bị tiên tiến cho người lao động...

- Đối với việc nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ:

+ Tăng cường công tác quản lý TSCĐ.

+ Tăng cường sửa chữa, nâng cấp TSCĐ đi kèm với đầu tư đúng hướng.

+ Nhanh chóng thanh lý TSCĐ không dùng đến.

+ Tận dụng năng lực sản xuất của TSCĐ tại doanh nghiệp.

## **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích**

- Xác định được các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động cả về số lượng và chất lượng. Trong đó, chỉ tiêu về số lượng là: số lượng lao động bình quân, chỉ tiêu phản ánh chất lượng lao động là: năng suất lao động bình quân năm, năng suất lao động bình quân ngày, năng suất lao động bình quân giờ, tổng số ngày công, tổng số giờ công.

- Xác định được các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tài sản cố định của doanh nghiệp: chỉ tiêu nguyên giá tài sản cố định, hệ số hao mòn, hệ số lắp đặt thiết bị hiện có, hệ số sử dụng thiết bị hiện có, hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất, tổng số giờ công của máy móc thiết bị.

- Được tài liệu, số liệu thực tế tại doanh nghiệp liên quan tới các chỉ tiêu trên, điền vào các dòng tương ứng ở bảng 2 và bảng 3.

**Bảng 2. Trích báo cáo số liệu về TSCĐ năm N, N+1**

<b>Loại</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Nguyên giá</b>		<b>Số tiền khấu hao cơ bản đã trích</b>	
		<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Cuối năm</b>
I. Toàn bộ tài sản cố định					
1. Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh					
a. Máy móc thiết bị sản xuất					
b. Nhà cửa					
c. Phương tiện vận tải					
d. Thiết bị quản lý					
e. Các loại tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh khác					
2. Tài sản cố định phúc lợi					
3. Tài sản cố định chờ xử lý					

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
1. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất sử dụng bình quân				
2. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất hiện có bình quân				
3. Số lượng máy móc thiết bị sản xuất đã lắp bình quân				
4. Tổng số giờ làm việc của máy móc thiết bị sản xuất				
5. Tổng số giờ máy móc ngừng việc Trong đó: - Để sửa chữa - Thiết bị hỏng - Không có nhiệm vụ sản xuất - Thiếu NVL - Mất điện - Thiếu lao động - Nguyên nhân khác				
6. Tổng số ngày làm việc của máy móc thiết bị				
7. Số ca làm việc bình quân 1 máy 1 ngày				
8. Độ dài 1 ca làm việc của 1 máy				
9. Số lao động làm việc bình quân Trong đó: - Số công nhân sản xuất bình quân - Số nhân viên sản xuất bình quân - Số nhân viên quản lý kinh tế - Số nhân viên hành chính - Số nhân viên khác				
10. Tổng số giờ công làm việc có hiệu lực của lao động				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
11. Số giờ công thiệt hại của lao động Trong đó: - Ốm đau - Con ốm - Hội họp - Học tập, nâng cao trình độ - Tai nạn lao động - Không có nhiệm vụ sản xuất - Thiếu công cụ, dụng cụ - Mất điện - Nguyên nhân khác				
12. Tổng số ngày công làm việc có hiệu lực của lao động				

Lưu ý: Tùy thuộc vào điều kiện thực tế của doanh nghiệp, việc phân loại lao động (dòng 9, bảng 3) có thể theo nhiều góc độ khác nhau:

- Phân loại theo giới tính: nam, nữ.
- Phân loại theo thâm niên làm việc: dưới 1 năm, 1 – 5 năm, trên 5 năm...
- Phân loại theo trình độ: trên đại học, đại học và cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, lao động phổ thông.
- Phân loại theo cấp bậc: công nhân bậc thấp, công nhân bậc cao, chuyên viên kỹ thuật...

**\* Tính toán, xử lý dữ liệu**

- Xác định được các công thức tính chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch về lao động và tài sản cố định: năng suất bình quân giờ, năng suất bình quân ngày, năng suất bình quân năm, tổng số ngày công, tổng số giờ công, hệ số hao mòn, hệ số lắp đặt thiết bị hiện có, hệ số sử dụng thiết bị hiện có, hệ số sử dụng thiết bị đã lắp vào sản xuất, tổng số giờ công của máy móc thiết bị

- Tính toán thành thạo các chỉ tiêu. Tính được các chỉ tiêu trên ở kỳ thực hiện và kỳ gốc làm cơ sở cho việc phân tích ở phần sau.

- Lựa chọn chính xác các phương pháp phân tích tương ứng với mỗi yêu cầu nghiên cứu và sử dụng đúng các kỹ thuật của các phương pháp phân tích các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Trong đó, phải tính được:

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu tổng số lao động và từng loại lao động. Tính được mức lãng phí hay tiết kiệm lao động của doanh nghiệp trong kỳ thực tế.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu năng suất lao động bình quân giờ giữa 2 kỳ.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu năng suất lao động bình quân ngày giữa 2 kỳ.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu năng suất lao động bình quân giờ giữa 2 kỳ.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu tổng số ngày công lao động giữa 2 kỳ. Từ đó, tính được sự biến động của tổng giá trị sản lượng hàng hóa do sự tác động của sự biến động ngày công.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu tổng số giờ công lao động giữa 2 kỳ. Từ đó, tính được sự biến động của tổng giá trị sản lượng hàng hóa do sự tác động của sự biến động giờ công.

+ Mức tác động của các nhân tố đặc thù về lao động tác động lên sự biến động về kết quả sản xuất.

+ Sự biến động về tài sản cố định giữa cuối năm và đầu năm cả về tỷ trọng và nguyên giá tài sản cố định.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu hệ số hao mòn máy móc thiết bị giữa 2 kỳ.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu tổng số giờ công của máy móc thiết bị giữa 2 kỳ.

+ Mức ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về máy móc thiết bị ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu kết quả sản xuất.

#### **\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

- Đánh giá được tình hình sử dụng và quản lý các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất tại doanh nghiệp. Trong đó, phải đánh giá được:

+ Sự biến động của chỉ tiêu tổng số lao động và từng loại, đánh giá được doanh nghiệp sử dụng lãng phí hay tiết kiệm lao động và số lượng lãng phí hay tiết kiệm là bao nhiêu.

+ Sự biến động của chỉ tiêu năng suất lao động, đưa ra kết luận về chất lượng lao động tăng hay giảm.

+ Sự biến động tổng số ngày công của lao động từ đó kết luận doanh nghiệp quản lý và sử dụng ngày công tốt hay không.

+ Sự biến động tổng số giờ công của lao động từ đó kết luận doanh nghiệp quản lý và sử dụng giờ công tốt hay không.



+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đặc thù về lao động tác động lên sự biến động kết quả sản xuất.

+ Chỉ ra được nhân tố nào là nhân tố chính làm cho kết quả sản xuất biến động.

+ Sự biến động về tổng tài sản cố định và từng loại tài sản cố định, từ đó đánh giá tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp tốt hay không.

+ Tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị, đánh giá doanh nghiệp có mua sắm, bù đắp đầy đủ vào tài sản cố định cũ đi hay không.

+ Tình trạng sử dụng máy móc thiết bị, đánh giá doanh nghiệp có tận dụng tối đa năng lực của máy móc thiết bị không.

+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu kết quả sản xuất. Từ đó, phải chỉ ra được nhân tố nào là nhân tố chính ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu kết quả sản xuất.

+ Chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được hơn so với kỳ trước.

+ Chỉ ra được các hạn chế trong việc sử dụng và quản lý các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp.

- Tìm ra nguyên nhân của những hạn chế. Phải đi sâu tìm hiểu các nguyên nhân chủ quan và khách quan trong thực tế tại doanh nghiệp dẫn tới những hạn chế còn tồn tại.

- Đề xuất giải pháp có tính khả thi để khắc phục hạn chế, giúp doanh nghiệp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động, có thể tham khảo tại:

+ Mục 3.1, chương 3, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích yếu tố lao động về quy mô và chất lượng hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích yếu tố lao động về mặt quy mô và chất lượng.

+ Tài liệu và số liệu thực tế có thể được thu thập thông qua:

. Các bảng báo cáo đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của doanh nghiệp qua các năm hoạt động.

. Các bảng số liệu về số lượng lao động, năng suất lao động, thời gian làm việc của lao động, thời gian ngừng, nghỉ việc của lao động.

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tài sản cố định, có thể tham khảo tại:

+ Mục 3.2, chương 3, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích yếu tố tài sản cố định về quy mô và chất lượng hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích yếu tố tài sản cố định về mặt quy mô và chất lượng.

+ Tài liệu và số liệu thực tế có thể được thu thập thông qua:

. Các bảng báo cáo đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của doanh nghiệp qua các năm hoạt động.

. Các bảng số liệu về số lượng, chủng loại và tình trạng của tài sản cố định, nguyên giá tài sản cố định, khấu hao, năng suất của máy móc thiết bị, thời gian làm việc của máy móc thiết bị, thời gian ngừng làm việc của máy móc thiết bị.

. Bản báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của doanh nghiệp.

**\* *Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Để thực hiện việc tính toán và xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch lao động, có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 3.1, chương 3, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch về lao động hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch về lao động.

- Để thực hiện việc tính toán, xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch về tài sản cố định có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 3.2, chương 3, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài sản cố định hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài sản cố định.

**\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

Có thể tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới việc quản lý và sử dụng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất tại:

- Các tài liệu về các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất và giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước.

- Các bảng tài liệu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp những năm trước.

- Các tài liệu về cơ cấu lao động theo trình độ, theo tuổi, theo giới tính của doanh nghiệp.

- Các tài liệu về tuyển dụng, sa thải, hưu trí, thai sản... của người lao động trong doanh nghiệp.

- Các tài liệu về việc bổ sung, mua sắm, thanh lý tài sản cố định.

- Các bản kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

## **Phần IV**

### **PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH**

#### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích phần IV là hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về:

- Xác định các chỉ tiêu phân tích phù hợp phản ánh sự biến động của giá thành và các khoản chi phí cấu thành nên giá thành của doanh nghiệp.
- Thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp phục vụ cho quá trình phân tích.
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cách thức tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và các khoản mục chi phí thông qua các dữ liệu, số liệu đã thu thập được từ doanh nghiệp.
- Rèn luyện kỹ năng vận dụng các phương pháp tương ứng với mục đích nghiên cứu vào việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và các khoản mục chi phí
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và các khoản mục chi phí của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu.
- Tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

#### ***YÊU CẦU***

1. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành toàn bộ sản phẩm?
2. Phân tích nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được?
3. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp?
4. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nhân công trực tiếp?
5. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng?

Các yêu cầu trên tương ứng với các yêu cầu từ số 18 đến yêu cầu số 22 trong đề bài tiểu luận 2.

#### ***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN***

##### **4.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích**

\* **Bước 1:** Xác định chỉ tiêu phản ánh sự biến động của giá thành.

- + Chỉ tiêu phản ánh sự biến động giá thành toàn bộ sản phẩm: Tổng giá thành
- + Chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được: Mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được. Dựa vào danh mục

sản phẩm và dữ liệu sản xuất qua các năm của doanh nghiệp xác định sản phẩm nào là sản phẩm so sánh được, tức là sản phẩm đã sản xuất ở 2 kỳ liên tiếp.

\* **Bước 2:** Xác định chỉ tiêu phản ánh sự biến động các khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành.

+ Chỉ tiêu phản ánh sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ Chỉ tiêu phản ánh sự biến động khoản mục chi phí nhân công trực tiếp: Tổng quỹ lương.

\* **Bước 3:** Xác định chỉ tiêu phản ánh sự biến động chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng: Chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.

\* **Bước 4:** Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho quá trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động giá thành và các khoản chi phí đã được xác định ở bước trên. Việc thu thập tài liệu, số liệu phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và có độ tin cậy cao. Sau đó, tiến hành điền số liệu tương ứng với các yếu tố tại bảng 1 và bảng 3.

#### 4.2. Tính toán, xử lý dữ liệu

\* **Bước 1:** Xác định công thức tính chỉ tiêu

Vận dụng kiến thức đã được học và các số liệu thu thập được trong thực tế tiến hành xác định công thức phù hợp để tính chỉ tiêu. Công thức cần đảm bảo đầy đủ các nội dung, đảm bảo nguyên tắc tính của từng chỉ tiêu, nguyên tắc sắp xếp bố trí các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu, và tính phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu. Trong đó các công thức tính thường được áp dụng đó là:

+ Tổng giá thành sản phẩm:

$$Z = \sum_{i=1}^n q_i \times z_i$$

Trong đó:  $Z$ : Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm

$q_i$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$

$z_i$ : Giá thành đơn vị sản phẩm  $i$

+ Mức hạ giá thành sản phẩm so sánh được:

$$M_h = \sum_{i=1}^n q_i \times (z_i - z_{i0})$$

Trong đó:  $M_h$ : Mức hạ giá thành sản phẩm so sánh được

$q_i$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$

$z_i$ : Giá thành đơn vị sản phẩm  $i$

$z_{i0}$ : Giá thành đơn vị sản phẩm  $i$  năm trước

+ Tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được:

$$T_h = \frac{M_h}{\sum_{i=1}^n q_i \times z_{i0}} \times 100(\%)$$

Trong đó:  $T_h$ : Tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được  
 $M_h$ : Mức hạ giá thành sản phẩm so sánh được  
 $q_i$ : Sản lượng sản xuất sản phẩm  $i$   
 $z_{i0}$ : Giá thành đơn vị sản phẩm  $i$  năm trước

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$C_v = \sum_{i=1}^n Q \times m_i \times s_i - PL + V_i$$

Trong đó:  $C_v$ : Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm hay thực hiện các dịch vụ trong kỳ

$Q$ : Số lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ

$m$ : Định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm

$s$ : Đơn giá bình quân nguyên vật liệu

$PL$ : Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

$V_i$ : Giá trị vật liệu thay thế

+ Tổng quỹ lương:

$$F = \bar{S} \times \bar{TL}$$

$$F = \frac{GO}{\bar{W}} \times \bar{TL}$$

Trong đó:  $F$ : Tổng quỹ lương của công nhân sản xuất

$\bar{S}$ : Số lượng lao động trực tiếp sản xuất bình quân

$\bar{TL}$ : Tiền lương bình quân một lao động

$GO$ : Tổng giá trị sản xuất

$\bar{W}$ : Năng suất bình quân năm của một công nhân

+ Chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa:

$$C_{1000} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times z_i}{\sum_{i=1}^n q_i \times p_i} \times 1.000$$

Trong đó:  $C_{1000}$ : Chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm hàng hoá

$q_i$ : Số lượng sản phẩm  $i$  tiêu thụ

$z_i$ : Chi phí toàn bộ (giá thành toàn bộ) đơn vị của sản phẩm  $i$  tiêu

thụ

$p_i$ : Giá bán đơn vị sản phẩm  $i$  tiêu thụ

**\* Bước 2:** Tiến hành tính toán các chỉ tiêu

Tiến hành tính toán các chỉ tiêu ở 2 kỳ liên tiếp dựa vào số liệu đã thu thập trong thực tế và công thức tính được xác định ở bước trên. Việc tính toán cần thận trọng, cần thận tránh tình trạng nhầm lẫn dẫn tới kết quả không chính xác làm sai lệch việc phân tích, đánh giá. Việc tính toán cụ thể như sau:

+ Tổng giá thành sản phẩm:

$$Z_1 = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1} \qquad Z_k^d = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{ik}$$

+ Mức hạ giá thành sản phẩm so sánh được:

$$M_{h1} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (z_{i1} - z_{i0}) \qquad M_{hk} = \sum_{i=1}^n q_{ik} \times (z_{ik} - z_{i0})$$

+ Tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được:

$$T_{h1} = \frac{M_{h1}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i0}} \times 100(\%) \qquad T_{hk} = \frac{M_{hk}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times z_{i0}} \times 100(\%)$$

+ Chí phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$C_{v1} = \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{i1} \times s_{i1} - PL_1 + V_{t1} \qquad C_k^d = \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{ik} \times s_{ik} - PL_k^d + V_{tk}^d$$

+ Tổng quỹ lương:

$$F_1 = \frac{GO_1}{W_1} \times \overline{TL_1} \qquad F_k = \frac{GO_k}{W_k} \times \overline{TL_k}$$

+ Chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa:

$$C_{10001} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{i1}} \times 1.000 \qquad C_{1000k} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times z_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 1.000$$

**\* Bước 3:** Phân tích, đánh giá sự biến động và nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu đó.

Dựa vào các kiến thức đã được học để lựa chọn phương pháp thích hợp với các mục đích nghiên cứu. Trong đó:

- Với câu hỏi phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành toàn bộ sản phẩm, áp dụng phương pháp so sánh. Cụ thể là:

Tiến hành tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về giá thành toàn bộ sản phẩm

$$\Delta Z = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1} - \sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{ik}$$

Tính tỷ lệ tăng (giảm) về giá thành toàn bộ sản phẩm =  $\frac{\Delta Z}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{ik}} \times 100(\%)$

- Với câu hỏi phân tích nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp và phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động của chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích sự biến động về mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

. So sánh mức hạ giá thành:

$$\Delta M_h = M_{hl} - M_{hk}$$

. So sánh tỷ lệ hạ giá thành:

$$\Delta T_h = T_{hl} - T_{hk}$$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

Với phương trình kinh tế:

$$M_h = \sum_{i=1}^n q_i \times (z_i - z_{i0})$$

$$T_h = \frac{M_h}{\sum_{i=1}^n q_i \times z_{i0}} \times 100(\%)$$

Đối tượng phân tích:  $\Delta M_h = M_{hl} - M_{hk}$

$$\Delta T_h = T_{hl} - T_{hk}$$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố sản lượng sản xuất thay đổi

$$I_s = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i0}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times z_{i0}}$$

$$\Delta M_{h(q)} = (I_s - 1) \times M_{hk}$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố kết cấu sản phẩm thay đổi

$$\Delta M_{h(K)} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (z_{ik} - z_{i0}) - M_{h(q)}^d ; \quad \Delta T_{h(K)} = \frac{\Delta M_{h(K)}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i0}} \times 100(\%)$$

Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố giá thành đơn vị thay đổi

$$\Delta M_{h(z)} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (z_{i1} - z_{ik}); \quad \Delta T_{h(z)} = \frac{\Delta M_{h(z)}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i0}} \times 100(\%)$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta M_h = \Delta M_{h(q)} + \Delta M_{h(K)} + \Delta M_{h(z)}$$



$$\Delta T_h = \Delta T_{h(K)} + \Delta T_{h(z)}$$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu và phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch kết hợp với cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động đó. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động chỉ tiêu khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tiến hành tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

$$\Delta C_v = C_{v1} - C_{vk}^d$$

$$\text{Tính toán tỷ lệ tăng (giảm) chỉ tiêu} = \frac{\Delta C_v}{C_{vk}^d} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn và cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Phương trình kinh tế:

$$C_v = \sum_{i=1}^n Q \times m_i \times s_i - PL + V_t$$

Đối tượng phân tích:

$$\Delta C_v = C_{v1} - C_{vk}^d$$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố định mức tiêu hao:

$$\Delta C_{v(m)} = \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{i1} \times s_{ik} - \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{ik} \times s_{ik}$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố giá bình quân đơn vị vật liệu:

$$\Delta C_{v(s)} = \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{i1} \times s_{i1} - \sum_{i=1}^n Q_1 \times m_{i1} \times s_{ik}$$

Ảnh hưởng của nhân tố phế liệu thu hồi:

$$\Delta C_{v(PL)} = -(PL_1 - PL_k^d)$$

Ảnh hưởng của nhân tố nguyên vật liệu thay thế:

$$\Delta C_{v(V_t)} = V_{t1} - V_{tk}^d$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố:

$$\Delta C_v = C_{v1} - C_{vk}^d = \Delta C_{v(m)} + \Delta C_{v(s)} + \Delta C_{v(PL)} + \Delta C_{v(V_t)}$$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của khoản mục chi phí nhân công trực tiếp, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chỉ tiêu và phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch kết hợp với cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động đó. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

. Sử dụng so sánh trực tiếp để phân tích sự tăng (giảm) về quy mô chi tiêu chi phí nhân công trực tiếp

Tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chi tiêu tổng quỹ lương

$$\Delta F = F_1 - F_k$$

Tính toán tỷ lệ tăng (giảm) chi tiêu =  $\frac{\Delta F}{F_k} \times 100(\%)$

. Sử dụng so sánh có liên hệ với 1 yếu tố đầu ra để phân tích về việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí chi phí tiền lương

Tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chi tiêu tổng quỹ lương có liên hệ với kết quả sản xuất

$$\Delta F_{LH} = F_1 - F_k^d = F_1 - F_k \times \frac{GO_1}{GO_k}$$

Tính toán tỷ lệ tăng (giảm) chi tiêu =  $\frac{\Delta F_{LH}}{F_k \times \frac{GO_1}{GO_k}} \times 100(\%)$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động chi tiêu tổng quỹ lương

Với phương trình kinh tế:

$$F = \frac{GO}{W} \times \overline{TL}$$

Đối tượng phân tích:

$$\Delta F = F_1 - F_k$$

- Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố tổng giá trị sản xuất:

$$\Delta F_{(GO)} = \frac{GO_1}{W_k} \times \overline{TL_k} - \frac{GO_k}{W_k} \times \overline{TL_k}$$

- Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố năng suất bình quân 1 lao động:

$$\Delta F_{(\overline{W})} = \frac{GO_1}{W_1} \times \overline{TL_k} - \frac{GO_1}{W_k} \times \overline{TL_k}$$

- Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố tiền lương bình quân 1 lao động:

$$\Delta F_{(\overline{TL})} = \frac{GO_1}{W_1} \times \overline{TL_1} - \frac{GO_1}{W_1} \times \overline{TL_k}$$

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng:  $\Delta F = F_1 - F_k = \Delta F_{(GO)} + \Delta F_{(\overline{W})} + \Delta F_{(\overline{TL})}$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chi tiêu chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của chi tiêu và phương pháp thay thế liên hoàn hoặc số chênh lệch

kết hợp với cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động đó.  
Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích sự biến động chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa

$$\Delta C_{1000} = C_{1000(1)} - C_{1000(k)}$$

$$\text{Tính tỷ lệ tăng (giảm) chỉ tiêu} = \frac{\Delta C_{1000}}{C_{1000(k)}} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa.

Với phương trình kinh tế:

$$C_{1000} = \frac{\sum_{i=1}^n q_i \times z_i}{\sum_{i=1}^n q_i \times p_i} \times 1.000$$

Đối tượng phân tích:

$$\Delta C_{1000} = C_{1000(1)} - C_{1000(k)}$$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố kết cấu mặt hàng

$$\Delta C_{1000(k)} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}} \times 1.000 - \frac{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times z_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 1.000$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố giá thành đơn vị

$$\Delta C_{1000(z)} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}} \times 1.000 - \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}} \times 1.000$$

Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố giá bán đơn vị

$$\Delta C_{1000(p)} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{i1}} \times 1.000 - \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times z_{i1}}{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}} \times 1.000$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố

$$\Delta C_{1000} = C_{1000(K)} + C_{1000(z)} + C_{1000(p)}$$

### 4.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp

\* **Bước 1:** Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành và quản lý các khoản mục chi phí trong giá thành.

Tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành và các khoản mục chi phí của doanh nghiệp thông qua kết quả tính toán và phân tích đã thực hiện ở phần trước. Việc đánh giá cần tiến hành chi tiết từ sự biến động của chỉ tiêu và các nhân tố tác động lên sự biến động của chỉ tiêu đó. Trong đó:

Với phương pháp so sánh, chỉ đánh giá được sự tăng giảm của các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành và quản lý các khoản mục chi phí trong giá thành, với phương pháp so sánh có liên hệ, cần đánh giá được hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tiết kiệm hay lãng phí các chi phí.

Khi đánh giá cần chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được, cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại.

Cụ thể việc đánh giá từng chỉ tiêu được thực hiện như sau:

- Đánh giá sự biến động chỉ tiêu tổng giá thành toàn bộ sản phẩm

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về giá thành toàn bộ sản phẩm rút ra kết luận về sự tăng (giảm) về quy mô của chỉ tiêu này.

Nếu:  $\Delta Z > 0$ : Giá thành thực tế lớn hơn so với kế hoạch, cụ thể tổng giá thành toàn bộ sản phẩm tăng... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...), chứng tỏ doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Nói cách khác, doanh nghiệp đã lãng phí chi phí sản xuất, làm giảm kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đây là dấu hiệu không tốt, cho thấy doanh nghiệp quản lý chi phí sản xuất không hiệu quả.

$\Delta Z = 0$ : Giá thành thực tế bằng giá thành kế hoạch, chứng tỏ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Tức là doanh nghiệp sử dụng vừa đúng định mức chi phí kế hoạch, không gây lãng phí cũng không tiết kiệm chi phí sản xuất.

$\Delta Z < 0$ : Giá thành thực tế nhỏ hơn so với kế hoạch, cụ thể tổng giá thành toàn bộ sản phẩm giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng), chứng tỏ doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Điều đó đồng nghĩa với việc doanh nghiệp đã tiết kiệm chi phí sản xuất. Đây là dấu hiệu tốt cho thấy doanh nghiệp đã quản lý chi phí sản xuất hiệu quả.

- Đánh giá nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

. Đánh giá sự biến động của chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được rút ra kết luận:

Nếu:  $\Delta M_h > 0$ : Trong thực tế, doanh nghiệp hạ giá thành ít hơn so với kế hoạch, cụ thể là hạ ít hơn kế hoạch... % tương ứng ít hơn... triệu đồng (tỷ đồng...). Chúng tỏ doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được. Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý chi phí sản xuất sản phẩm so sánh được không hiệu quả.

$\Delta M_h = 0$ : Trong thực tế doanh nghiệp hạ giá thành bằng với kế hoạch đặt ra chứng tỏ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

$\Delta M_h < 0$ : Trong thực tế doanh nghiệp hạ được giá thành nhiều hơn so với kế hoạch đặt ra, cụ thể hạ nhiều hơn... %, tương ứng nhiều hơn... triệu đồng (tỷ đồng). Chúng tỏ doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được. Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý chi phí sản xuất sản phẩm so sánh được hiệu quả hơn kế hoạch đặt ra.

+ Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố cần đưa ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được. Cụ thể:

Nhân tố sản lượng sản xuất thay đổi làm cho tỷ lệ hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là ... tương ứng mức hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là....

Nhân tố kết cấu thay đổi làm cho tỷ lệ hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là ... tương ứng mức hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là....

Nhân tố giá thành thay đổi làm cho tỷ lệ hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là ... tương ứng mức hạ giá thành tăng (giảm) 1 lượng là....

Từ đó rút ra kết luận về nhân tố chính làm mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được biến động.

- Đánh giá sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp rút ra kết luận:

Nếu  $\Delta C_v > 0$ : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế đã tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng). Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không tốt.

$\Delta C_v = 0$ : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế không đổi so với kế hoạch

$\Delta C_v < 0$ : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế đã giảm xuống so với kế hoạch, cụ thể giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng). Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tốt hơn so với kế hoạch.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động chỉ tiêu khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố cần đưa ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên chỉ tiêu khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Cụ thể:

. Nhân tố định mức tiêu hao NVL thay đổi làm chi phí NVLTT tăng (giảm) 1 lượng là....

. Nhân tố giá NVL thay đổi làm cho CPNVLTT tăng (giảm) 1 lượng là....

. Nhân tố phế liệu thu hồi tăng (giảm) 1 lượng là.... làm cho CPNVLTT tăng (giảm) 1 lượng là....

. Nhân tố vật liệu thay thế làm cho CPNVLTT tăng (giảm) 1 lượng là....

Từ đó rút ra kết luận về nhân tố chính làm khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp biến động.

- Đánh giá sự biến động khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

. Kết luận về sự biến động về quy mô chi phí nhân công trực tiếp

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về khoản mục chi phí nhân công trực tiếp rút ra kết luận:

Nếu  $\Delta F > 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp thực tế đã tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...).

$\Delta F = 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp thực tế không đổi so với kế hoạch

$\Delta F < 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp thực tế đã giảm xuống so với kế hoạch, cụ thể là giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng...).

. Kết luận về việc doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm hay lãng phí chi phí nhân công trực tiếp

Nếu  $\Delta F_{LH} > 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp có liên hệ với yếu tố đầu ra tăng so với kế hoạch. Chứng tỏ doanh nghiệp lãng phí chi phí nhân công trực tiếp so với kế hoạch đặt ra, cụ thể lãng phí... % tương ứng lãng phí... triệu đồng (tỷ đồng...)

$\Delta F = 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp có liên hệ với yếu tố đầu ra thực tế không đổi so với kế hoạch, chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng chi phí này hợp lý so với kế hoạch.

$\Delta F < 0$ : Chi phí nhân công trực tiếp có liên hệ với yếu tố đầu ra thực tế đã giảm xuống so với kế hoạch. Chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm chi phí này so với kế hoạch đặt ra, cụ thể tiết kiệm... % tương ứng tiết kiệm... triệu đồng (tỷ đồng...).

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động chỉ tiêu khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố cần đưa ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên chỉ tiêu khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Cụ thể:

. Nhân tố tổng giá trị sản xuất tăng (giảm)... làm cho quỹ lương tăng (giảm) 1 lượng là....

. Nhân tố năng suất lao động bình quân tăng (giảm) .... làm cho quỹ lương giảm (tăng) 1 lượng là...

. Nhân tố tiền lương bình quân tăng (giảm)... làm cho quỹ lương tăng (giảm) 1 lượng là....

Từ đó rút ra kết luận về nhân tố chính làm khoản mục chi phí nhân công trực tiếp biến động.

- Đánh giá về sự biến động chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa rút ra kết luận:

Nếu  $\Delta C_{1000} > 0$ : Chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa thực tế đã tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... %, tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...). Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý chưa tốt chi phí cho 1.000 đồng giá trị sản lượng.

$\Delta C_{1000} = 0$ : Chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa thực tế không đổi so với kế hoạch

$\Delta C_{1000} < 0$ : Chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa thực tế đã giảm xuống so với kế hoạch, cụ thể giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng...). Điều này cho thấy doanh nghiệp quản lý tốt chi phí cho 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa.

Tóm lại, mức chênh lệch tuyệt đối về chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa dưới 0 càng lớn chứng tỏ chi phí sản xuất mà doanh nghiệp bỏ ra để có được 1.000 giá trị sản lượng hàng hóa càng giảm, lợi nhuận kinh doanh trong kỳ càng tăng, hiệu quả kinh doanh càng cao. Nói cách khác, mức chênh lệch tuyệt đối về chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa  $< 0$  cho biết cứ 1.000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa thì doanh nghiệp tiết kiệm được mấy đồng chi phí sản xuất. Và ngược lại.

- Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên chi tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố cần đưa ra kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên chi tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa. Cụ thể:

Nhân tố kết cấu mặt hàng thay đổi làm cho chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa tăng (giảm) 1 lượng là...

Nhân tố giá thành đơn vị thay đổi làm cho chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa giảm (tăng) 1 lượng là...

Nhân tố giá bán đơn vị thay đổi làm cho chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa tăng (giảm) 1 lượng là....

Từ đó rút ra kết luận về nhân tố chính làm chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa biến động.

**\* Bước 2:** Tìm nguyên nhân của những hạn chế.

Sau khi đánh giá sự biến động của chỉ tiêu cũng như sự tác động của các nhân tố lên sự biến động đó, cần tiến hành tìm hiểu nguyên nhân thực tế dẫn tới những hạn chế mà doanh nghiệp gặp phải. Nguyên nhân này có thể đến từ: máy móc thiết bị, số lượng và trình độ lao động, năng lực quản lý, sự tiên bộ hay lạc hậu của khoa học kỹ thuật, số lượng và chủng loại nguyên vật liệu...

Các nguyên nhân này cần phải được tìm hiểu và nghiên cứu trên thực tiễn điều kiện của doanh nghiệp đang phân tích để làm cơ sở vững chắc cho quá trình đề ra giải pháp ở phần sau.

**\* Bước 3:** Đề xuất giải pháp

Từ nguyên nhân tìm được và điều kiện thực tế của doanh nghiệp cần đề ra các giải pháp phù hợp và khả thi đồng thời cần đưa ra các kế hoạch cụ thể về thời gian, đơn vị thực hiện kế hoạch và kết quả cần đạt được nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh để giúp quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong thời gian tới đạt kết quả và hiệu quả hơn nữa thông qua việc tiết kiệm chi phí sản xuất. Lưu ý rằng tìm ra bao nhiêu nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại thì sẽ phải đề ra bấy nhiêu giải pháp nhằm khắc phục.

Một số giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm có thể tham khảo như sau:

- + Tiến hành cải tiến ở các khâu sau:
  - . Thiết kế sản phẩm.
  - . Quy trình công nghệ.
  - . Thiết bị máy móc.
  - . Chất lượng của quá trình sản xuất.
  - . Việc cung ứng nguyên vật liệu.
  - . Công tác tổ chức quản lý: xem xét lại mức độ hợp lý của kết cấu lao động, đặc biệt là lao động trong sản xuất, từ đó phân bổ lao động vào các bộ phận trong doanh nghiệp cho hợp lý.
  - . Tay nghề của công nhân.
  - . Việc sử dụng lại phế liệu, phế phẩm trong quá trình sản xuất.
- + Sử dụng tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất, bao bì đóng gói, dự trữ, bảo quản, sửa chữa bằng cách định mức tiêu hao nguyên vật liệu có khoa học, quản lý mức chặt chẽ.



+ Định mức ngày công, giờ công có khoa học và quản lý chặt chẽ nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm giờ công cho một sản phẩm, tiết kiệm chi phí tiền lương trong sản xuất và trong quản lý.

+ Giảm chi phí khấu hao tài sản cố định bằng cách hạch toán đầy đủ, chính xác, theo dõi quản lý TSCĐ, tránh hư hao, mất mát, nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ nhằm giảm chi phí khấu hao cho một sản phẩm hàng hóa.

+ Thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện chi phí, những mặt mạnh, mặt yếu những nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến việc thực hiện chi phí để có giải pháp giảm chi phí cho từng khâu, từng bộ phận, từng mặt hàng nhằm giảm chi phí chung cho quá trình sản xuất.

+ Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tích lũy kinh nghiệm nghệ thuật kinh doanh, nâng cao trình độ sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, tiền vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí của doanh nghiệp.

### ***KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

- Phân biệt và xác định chính xác sản phẩm so sánh được và sản phẩm không so sánh được trong danh mục sản phẩm của doanh nghiệp.

- Xác định chính xác các chỉ tiêu phản ánh về giá thành toàn bộ sản phẩm, giá thành sản phẩm so sánh được, các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng.

- Thu thập được tài liệu, số liệu thực tế tại doanh nghiệp liên quan tới các chỉ tiêu trên, điền vào các dòng tương ứng ở bảng 1 và bảng 3.

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
9. Giá bán				
+ SP A				
Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì				
. Thứ hạng I				
. Thứ hạng II				
. Thứ hạng III				
...				
+ SP B				
Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì				
. Thứ hạng I				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
. Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP C Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + ...				

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
13. Tổng chi phí Trong đó: - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí nhân công trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất chung + SP A + SP B				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP C + ...				
14. Định mức tiêu hao nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP B .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP C .NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
15. Giá nguyên vật liệu + SP A .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP B .NVL x .NVL y .NVL z ... + SP C				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
.NVL x .NVL y .NVL z ... + ...				
16. Giá trị phế liệu thải loại + SP A + SP B + SP C + ...				
17. Giá trị phế liệu thu hồi + SP A + SP B + SP C + ...				

**\* Tính toán, xử lý dữ liệu**

- Xác định được các công thức tính chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch về giá thành và các khoản mục chi phí bao gồm: công thức tính chỉ tiêu tổng giá thành sản phẩm, mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa.

- Tính toán thành thạo các chỉ tiêu ở cả 2 kỳ thực tế và kỳ gốc, để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá các chỉ tiêu đó.

- Sử dụng phù hợp và chính xác các kỹ thuật của các phương pháp phân tích giá thành và các khoản mục chi phí. Trong đó, phải tính được:

+ Sự biến động tăng giảm tuyệt đối và tương đối của tổng giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

+ Sự biến động tuyệt đối của chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tác động đến sự biến động của mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu chi phí nhân công trực tiếp. Tính được doanh nghiệp lãng phí hoặc tiết kiệm bao nhiêu chi phí tiền lương.

+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu chi phí nhân công trực tiếp.

+ Sự biến động tuyệt đối và tương đối của chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa.

+ Mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố tác động lên sự biến động của chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa.

#### ***\* Đánh giá và đề xuất giải pháp***

- Đánh giá được tình hình thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành của toàn bộ sản phẩm và bộ phận sản phẩm so sánh được của doanh nghiệp. Trong đó, phải đánh giá được:

+ Sự biến động tăng giảm của chỉ tiêu tổng giá thành sản phẩm, từ đó đưa ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch hạ giá thành toàn bộ sản phẩm không.

+ Sự biến động của chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được, từ đó đưa ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch hạ giá thành sản phẩm so sánh được không.

+ Tác động của các nhân tố lên chỉ tiêu mức hạ và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được.

+ Sự biến động của chỉ tiêu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hay không.

+ Sự biến động của chỉ tiêu chi phí nhân công trực tiếp, đồng thời đánh giá được doanh nghiệp sử dụng lãng phí hay tiết kiệm chi phí nhân công trực tiếp.

+ Sự biến động của chỉ tiêu chi phí trên 1.000đ giá trị sản lượng hàng hóa, đánh giá được mức tác động của các nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu này.

- Tìm ra nguyên nhân thực tế tại doanh nghiệp gây ra những hạn chế trong quá trình quản lý chi phí của doanh nghiệp dựa vào sự đánh giá phân tích về biến động các nhân tố.

- Đề xuất giải pháp khả thi nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất.

#### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

##### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh sự biến động của giá thành toàn bộ sản phẩm, có thể tham khảo tại:

+ Mục 4.1.2, chương 4, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích giá thành hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích giá thành.

+ Tài liệu và số liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

. Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức sản xuất của doanh nghiệp.

. Các tài liệu hạch toán.

. Các báo cáo về chi phí sản xuất.

. Số liệu trong bảng cân đối kế toán với nhóm tài khoản 62.

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh sự biến động của giá thành sản phẩm so sánh, có thể tham khảo tại:

+ Mục 4.1.3, chương 4, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích giá thành sản phẩm so sánh được hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích giá thành sản phẩm so sánh được.

+ Tài liệu và số liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

. Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức sản xuất của doanh nghiệp.

. Các tài liệu hạch toán.

. Các báo cáo về chi phí sản xuất, danh mục sản xuất sản phẩm qua các năm, danh mục sản phẩm mới.

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh sự biến động của các khoản chi phí chính cấu thành nên giá thành, có thể tham khảo tại:

+ Mục 4.2, chương 4, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp được hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích giá thành sản phẩm so sánh được.

+ Tài liệu và số liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

- . Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức sản xuất của doanh nghiệp.
- . Các tài liệu hạch toán.
- . Các báo cáo về chi phí sản xuất, danh mục sản xuất sản phẩm qua các năm, danh mục sản phẩm mới.

. Số liệu trong bảng cân đối kế toán với nhóm tài khoản 62.

- Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh sự biến động của các khoản chi phí chính cấu thành nên giá thành, có thể tham khảo tại:

+ Mục 4.1.4, chương 4, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng được hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản lượng.

+ Tài liệu và số liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

- . Các tài liệu kế hoạch, dự toán, định mức sản xuất của doanh nghiệp.
- . Các tài liệu hạch toán.
- . Các báo cáo về chi phí sản xuất.

**\* *Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Để thực hiện việc tính toán và xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện giá thành toàn bộ sản phẩm, nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được, các khoản mục chi phí và chi phí trên 1000 đồng giá trị sản lượng, có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1 và các mục 4.1.2, 4.1.3, 4.1.4, 4.2, chương 4, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tình hình kế hoạch giá thành và các khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch về lao động.

**\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

Có thể tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới nhiệm vụ hạ giá thành và sự biến động của các khoản chi phí tại:

- Các tài liệu về sản lượng sản xuất
- Các tài liệu về việc cung cấp nguyên vật liệu đầu vào: thời gian, chủng loại, chất lượng, số lượng...
- Các tài liệu về chi phí trả lương cho người lao động qua các năm.
- Các tài liệu về tình hình tiêu thụ sản phẩm: giá bán, sản lượng tiêu thụ.



## **Phần V**

### **PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN**

#### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích phần V là hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về:

- Xác định các chỉ tiêu phân tích phù hợp phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và sự biến động của lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp phục vụ cho quá trình phân tích.
- Tính toán các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận thông qua các dữ liệu, số liệu đã thu thập được.
- Vận dụng các phương pháp tương ứng với mục đích nghiên cứu vào việc phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và sự biến động về lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu.
- Tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp đẩy mạnh quá trình tiêu thụ và gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

#### ***YÊU CẦU***

1. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm?
2. Phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu?
3. Xác định các chỉ tiêu hòa vốn?
4. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận gộp?
5. Phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận thuần?

Các yêu cầu trên tương ứng với các yêu cầu từ số 23 đến yêu cầu số 27 trong đề bài tiểu luận 2.

#### ***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN***

##### **5.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích**

\* **Bước 1:** Xác định chỉ tiêu phản ánh tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm.

Chỉ tiêu phản ánh tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm bao gồm 2 chỉ tiêu là sản lượng tiêu thụ và doanh thu tiêu thụ.

\* **Bước 2:** Xác định chỉ tiêu phản ánh tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu: Chỉ tiêu tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch mặt hàng chủ yếu về giá trị. Tiến hành xác định các mặt hàng nào là mặt hàng chính, mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp thông qua việc thu thập dữ liệu về danh mục sản phẩm và số liệu sản xuất các kỳ của doanh nghiệp.

\* **Bước 3:** Xác định các chỉ tiêu hòa vốn: Các chỉ tiêu hòa vốn bao gồm: Sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn và thời gian hòa vốn.

\* **Bước 4:** Xác định chỉ tiêu phản ánh sự biến động về lợi nhuận: Chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần.

\* **Bước 5:** Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho quá trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình hoàn thành kế hoạch về tiêu thụ và sự biến động về lợi nhuận đã được xác định ở bước trên. Việc thu thập tài liệu, số liệu phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và có độ tin cậy cao. Sau đó, tiến hành điền số liệu tương ứng với các yếu tố tại bảng 1 và bảng 3.

## 5.2. Tính toán, xử lý dữ liệu

\* **Bước 1:** Xác định công thức tính chỉ tiêu

Vận dụng kiến thức đã được học và các số liệu thu thập được trong thực tế tiến hành xác định công thức phù hợp để tính chỉ tiêu. Công thức cần đảm bảo đầy đủ các nội dung, đảm bảo nguyên tắc tính của từng chỉ tiêu, nguyên tắc sắp xếp bố trí các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu, và tính phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu. Trong đó các công thức tính thường được áp dụng đó là:

+ Doanh thu tiêu thụ:

$$TR = \sum_{i=1}^n q_i \times p_{ik}$$

Trong đó: *TR*: Doanh thu tiêu thụ

*q<sub>i</sub>*: Sản lượng tiêu thụ sản phẩm *i*

*p<sub>ik</sub>*: Giá bán đơn vị sản phẩm *i* kỳ kế hoạch

+ Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch tiêu thụ về mặt hàng chủ yếu:

$$T_c = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1}^k \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 100(\%)$$

Trong đó: *T<sub>c</sub>*: Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu

*q<sub>i1</sub><sup>k</sup>*: Số lượng sản phẩm *i* tiêu thụ thực tế trong giới hạn kế hoạch

*q<sub>ik</sub>*: Sản lượng tiêu thụ sản phẩm *i* kỳ kế hoạch

*p<sub>ik</sub>*: Giá bán đơn vị sản phẩm *i* kỳ kế hoạch

+ Sản lượng hòa vốn:

$$Q_{hv} = \frac{FC}{P - AVC}$$

Trong đó: *Q<sub>hv</sub>*: Sản lượng hòa vốn

*p*: Giá bán một đơn vị sản phẩm.

*FC*: Tổng chi phí cố định phân bổ cho kỳ sản xuất

*AVC: Chi phí biến đổi cho một đơn vị sản phẩm*

+ Doanh thu hòa vốn:

$$TR_{hv} = Q_{hv} \times P$$

Trong đó:  $TR_{hv}$ : Doanh thu hòa vốn

$Q_{hv}$ : Sản lượng hòa vốn

$p$ : Giá bán một đơn vị sản phẩm.

+ Thời gian hòa vốn:

$$T_{hv} = \frac{Q_{hv} * 12}{Q}$$

Trong đó:  $T_{hv}$ : Thời gian hòa vốn

$Q_{hv}$ : Sản lượng hòa vốn

$Q$ : Sản lượng sản xuất.

+ Lợi nhuận gộp:

$$G_f = \sum_{i=1}^n q_i \times (p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i)$$

Trong đó:  $G_f$ : Tổng lợi nhuận gộp về tiêu thụ

$q_i$ : Số lượng mặt hàng  $i$  tiêu thụ ( $i = \overline{1, n}$ )

$c_i$ : Giá vốn hàng bán đơn vị mặt hàng  $i$

$p_i$ : Giá bán đơn vị mặt hàng  $i$  (không thuế GTGT)

$d_i$ : Chiết khấu thương mại đơn vị mặt hàng  $i$

$r_i$ : Doanh thu bán hàng bị trả lại đơn vị mặt hàng  $i$

$g_i$ : Giảm giá hàng bán đơn vị mặt hàng  $i$

$t_i$ : Thuế tiêu thụ đơn vị mặt hàng  $i$  (thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc

biệt hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

+ Lợi nhuận thuần:

$$P_f = \sum_{i=1}^n q_i \times (p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i) - S - A$$

Trong đó:  $P_f$ : Tổng lợi nhuận thuần về tiêu thụ

$q_i$ : Số lượng mặt hàng  $i$  tiêu thụ ( $i = \overline{1, n}$ )

$c_i$ : Giá vốn hàng bán đơn vị mặt hàng  $i$

$p_i$ : Giá bán đơn vị mặt hàng  $i$  (không thuế GTGT)

$d_i$ : Chiết khấu thương mại đơn vị mặt hàng  $i$

$r_i$ : Doanh thu bán hàng bị trả lại đơn vị mặt hàng  $i$

$g_i$ : Giảm giá hàng bán đơn vị mặt hàng  $i$

$t_i$ : Thuế tiêu thụ đơn vị mặt hàng  $i$  (thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

$S$ : Tổng chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

$A$ : Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

\* **Bước 2**: Tiến hành tính toán các chỉ tiêu

Tiến hành tính toán các chỉ tiêu ở 2 kỳ liên tiếp dựa vào số liệu đã thu thập trong thực tế và công thức tính được xác định ở bước trên. Việc tính toán cần thận trọng, cần thận tránh tình trạng nhầm lẫn dẫn tới kết quả không chính xác làm sai lệch việc phân tích, đánh giá. Cụ thể là:

+ Doanh thu tiêu thụ:

$$TR_1 = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{i1}$$

$$TR_k = \sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}$$

+ Sản lượng hòa vốn:

$$Q_{hvl} = \frac{FC_1}{P_1 - AVC_1}$$

$$Q_{hvk} = \frac{FC_k}{P_k - AVC_k}$$

+ Doanh thu hòa vốn:

$$TR_{hvl} = Q_{hvl} \times P_1$$

$$TR_{hvk} = Q_{hvk} \times P_k$$

+ Thời gian hòa vốn:

$$T_{hvl} = \frac{Q_{hvl} * 12}{Q_1}$$

$$T_{hvk} = \frac{Q_{hvk} * 12}{Q_k}$$

+ Lợi nhuận gộp:

$$G_{f1} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (p_{i1} - d_{i1} - r_{i1} - g_{i1} - t_{i1} - c_{i1})$$

$$G_{fk} = \sum_{i=1}^n q_{ik} \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik})$$

+ Lợi nhuận thuần:

$$P_{f1} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (p_{i1} - d_{i1} - r_{i1} - g_{i1} - t_{i1} - c_{i1}) - S_1 - A_1$$

$$P_{fk} = \sum_{i=1}^n q_{ik} \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik}) - S_k - A_k$$

\* **Bước 3**: Phân tích, đánh giá sự biến động và nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu đó.

Dựa vào các kiến thức đã được học để lựa chọn phương pháp thích hợp với các mục đích nghiên cứu. Trong đó:

- Với câu hỏi phân tích tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm, áp dụng phương pháp so sánh. Cụ thể là:

+ Sử dụng thước hiện vật: sử dụng khi phân tích từng loại sản phẩm riêng lẻ mà doanh nghiệp sản xuất.

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về sản lượng tiêu thụ:

$$\Delta q_i = q_{i1} - q_{ik}$$

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về sản lượng tiêu thụ:

$$T_{hv} = \frac{q_{i1}}{q_{ik}} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng thước đo giá trị: sử dụng khi phân tích toàn bộ sản phẩm của doanh nghiệp.

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về doanh thu tiêu thụ:

$$\Delta TR = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik} - \sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}$$

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của doanh thu tiêu thụ:

$$T_{hs} = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1} \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu, áp dụng phương pháp so sánh. Cụ thể là:

Sử dụng thước đo giá trị để phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu

$$T_c = \frac{\sum_{i=1}^n q_{i1}^k \times p_{ik}}{\sum_{i=1}^n q_{ik} \times p_{ik}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích các chỉ tiêu hòa vốn, áp dụng phương pháp so sánh. Cụ thể là:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về 3 chỉ tiêu hòa vốn

$$\Delta Q_{hv} = Q_{hv1} - Q_{hvk}$$

$$\Delta TR_{hv} = TR_{hv1} - TR_{hvk}$$

$$\Delta T_{hv} = T_{hv1} - T_{hvk}$$

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của 3 chỉ tiêu hòa vốn

$$\frac{Q_{hv1}}{Q_{hvk}} \times 100(\%)$$

$$\frac{TR_{hv1}}{TR_{hvk}} \times 100(\%)$$

$$\frac{T_{hv1}}{T_{hvk}} \times 100(\%)$$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận gộp, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của lợi nhuận gộp và phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới chỉ tiêu. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích sự biến động lợi nhuận gộp của doanh nghiệp

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu lợi nhuận gộp

$$\Delta G_f = G_{f1} - G_{fk}$$

Tính tỷ lệ tăng (giảm) của chỉ tiêu lợi nhuận gộp

$$= \frac{\Delta G_f}{G_{fk}} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên chỉ tiêu lợi nhuận gộp

Với phương trình kinh tế:

$$G_f = \sum_{i=1}^n q_i \times (p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i)$$

Đối tượng phân tích:

$$\Delta G_f = G_{f1} - G_{fk}$$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố sản lượng tiêu thụ

$$\Delta G_{f(q)} = \sum_{i=1}^n (q_{ik} \times T_t - q_{ik}) \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik})$$

$$(T_t - 1) \times \sum_{i=1}^n q_{ik} \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik}) = (T_t - 1) \times G_{fk}$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố kết cấu mặt hàng

$$\Delta G_{f(K)} = \sum_{i=1}^n (q_{i1} - q_{ik} \times T_t) \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik})$$

Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố giá bán đơn vị

$$\Delta G_{f(p)} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (p_{i1} - p_{ik})$$

Thay thế lần 4: Ảnh hưởng của nhân tố chiết khấu thương mại

$$\Delta G_{f(d)} = - \sum_{i=1}^n q_{i1} (d_{i1} - d_{ik})$$

Thay thế lần 5: Ảnh hưởng của nhân tố doanh thu hàng bán bị trả lại

$$\Delta G_{f(r)} = - \sum_{i=1}^n Q_{i1} \times (r_{i1} - r_{ik})$$

Thay thế lần 6: Ảnh hưởng của nhân tố giảm giá hàng bán

$$\Delta G_{f(g)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (g_{i1} - g_{ik})$$

Thay thế lần 7: Ảnh hưởng của nhân tố thuế đơn vị

$$\Delta G_{f(t)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (t_{i1} - t_{ik})$$

Thay thế lần 8: Ảnh hưởng của nhân tố giá vốn hàng bán đơn vị

$$\Delta G_{f(c)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (c_{i1} - c_{ik})$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố

$$\Delta G_f = \Delta G_{f(q)} + \Delta G_{f(K)} + \Delta G_{f(p)} + \Delta G_{f(d)} + \Delta G_{f(r)} + \Delta G_{f(g)} + \Delta G_{f(t)} + \Delta G_{f(c)}$$

- Với câu hỏi phân tích sự biến động và các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của lợi nhuận thuần, áp dụng phương pháp so sánh để phân tích sự biến động của lợi nhuận thuần và phương pháp thay thế liên hoàn và cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới chỉ tiêu. Cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để phân tích sự biến động lợi nhuận thuần của doanh nghiệp

Tính mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu lợi nhuận thuần

$$\Delta P_f = P_{f1} - P_{fk}$$

Tính tỷ lệ tăng (giảm) của chỉ tiêu lợi nhuận thuần

$$= \frac{\Delta P_f}{P_{fk}} \times 100(\%)$$

+ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn và cân đối để phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên chỉ tiêu lợi nhuận thuần

Với phương trình kinh tế:

$$P_f = \sum_{i=1}^n q_i \times (p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i) - S - A$$

Đối tượng phân tích:

$$\Delta P_f = P_{f1} - P_{fk}$$

Thay thế lần 1: Ảnh hưởng của nhân tố sản lượng tiêu thụ

$$\Delta P_{f(q)} = \sum_{i=1}^n (q_{ik} \times T_t - q_{ik}) \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik})$$

$$(T_t - 1) \times \sum_{i=1}^n q_{ik} \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik}) = (T_t - 1) \times G_{fk}$$

Thay thế lần 2: Ảnh hưởng của nhân tố kết cấu mặt hàng

$$\Delta P_{f(K)} = \sum_{i=1}^n (q_{i1} - q_{ik} \times T_t) \times (p_{ik} - d_{ik} - r_{ik} - g_{ik} - t_{ik} - c_{ik})$$

Thay thế lần 3: Ảnh hưởng của nhân tố giá bán đơn vị

$$\Delta P_{f(p)} = \sum_{i=1}^n q_{i1} \times (p_{i1} - p_{ik})$$

Thay thế lần 4: Ảnh hưởng của nhân tố chiết khấu thương mại

$$\Delta P_{f(d)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} (d_{i1} - d_{ik})$$

Thay thế lần 5: Ảnh hưởng của nhân tố doanh thu hàng bán bị trả lại

$$\Delta P_{f(r)} = -\sum_{i=1}^n Q_{i1} \times (r_{i1} - r_{ik})$$

Thay thế lần 6: Ảnh hưởng của nhân tố giảm giá hàng bán

$$\Delta P_{f(g)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (g_{i1} - g_{ik})$$

Thay thế lần 7: Ảnh hưởng của nhân tố thuế đơn vị

$$\Delta P_{f(t)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (t_{i1} - t_{ik})$$

Thay thế lần 8: Ảnh hưởng của nhân tố giá vốn hàng bán đơn vị

$$\Delta P_{f(c)} = -\sum_{i=1}^n q_{i1} \times (c_{i1} - c_{ik})$$

Ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí bán hàng

$$\Delta P_{f(s)} = -(S_1 - S_k)$$

Ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\Delta P_{f(A)} = -(A_1 - A_k)$$

Tổng hợp ảnh hưởng của các nhân tố

$$\Delta P_f = \Delta P_{f(q)} + \Delta P_{f(k)} + \Delta P_{f(p)} + \Delta P_{f(d)} + \Delta P_{f(r)} + \Delta P_{f(g)} + \Delta P_{f(t)} + \Delta P_{f(c)} + \Delta P_{f(s)} + \Delta P_{f(A)}$$

### 5.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp

\* **Bước 1:** Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận.

Tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua kết quả tính toán và phân tích đã thực hiện ở phần trước. Việc đánh giá cần tiến hành chi tiết từ sự biến động của chỉ tiêu và các nhân tố tác động lên sự biến động của chỉ tiêu đó. Trong đó:

Với phương pháp so sánh, chỉ đánh giá được sự tăng giảm của các chỉ tiêu phản ánh tình hình tiêu thụ, với phương pháp so sánh có liên hệ, đánh giá được hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp có hiệu quả hay không.

Khi đánh giá cần chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được, cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại.

Việc đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể như sau:



- Đánh giá tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng sản phẩm
- . Với từng sản phẩm riêng lẻ

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về sản lượng tiêu thụ đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta q_i > 0$ : sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, cụ thể là tăng... % tương ứng tăng... sản phẩm

$\Delta q_i = 0$ : sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch

$\Delta q_i < 0$ : sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, cụ thể giảm... % tương ứng giảm... sản phẩm.

- . Với toàn bộ sản phẩm của doanh nghiệp

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về doanh thu tiêu thụ đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta TR > 0$ : doanh thu tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...)

$\Delta TR = 0$ : doanh thu tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch

$\Delta TR < 0$ : doanh thu tiêu thụ của doanh nghiệp kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, cụ thể giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng...).

- Đánh giá tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta T_c < 0$ : doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu, cụ thể doanh nghiệp chỉ đạt được (hoặc giảm)... % so với kế hoạch đặt ra.

$\Delta T_c = 0$ : doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu

- Đánh giá các chỉ tiêu hòa vốn

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về các chỉ tiêu hòa vốn đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta Q_{hv} > 0$ : sản lượng hòa vốn kỳ thực tế tăng lên so với kỳ kế hoạch, cụ thể tăng... sản phẩm, điều này cho thấy doanh nghiệp phải sản xuất nhiều sản phẩm hơn mới có thể thu hồi được vốn, đây là dấu hiệu không tốt.

$\Delta Q_{hv} = 0$ : sản lượng hòa vốn kỳ thực tế không đổi so với kỳ kế hoạch

$\Delta Q_{hv} < 0$ : sản lượng hòa vốn kỳ thực tế giảm so với kỳ kế hoạch, cụ thể giảm... sản phẩm, điều này chứng tỏ doanh nghiệp chỉ cần sản xuất ít sản phẩm hơn kế hoạch đã có thể thu hồi được vốn, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp.

Nếu  $\Delta TR_{hv} > 0$ : doanh thu hòa vốn kỳ thực tế tăng lên so với kỳ kế hoạch, cụ thể tăng... triệu đồng (tỷ đồng...), điều này cho thấy doanh nghiệp phải bán được nhiều sản phẩm hơn mới có thể thu hồi được vốn, đây là dấu hiệu không tốt.

$\Delta TR_{hv} = 0$ : doanh thu hòa vốn kỳ thực tế không đổi so với kỳ kế hoạch

$\Delta TR_{hv} < 0$ : doanh thu hòa vốn kỳ thực tế giảm so với kỳ kế hoạch, cụ thể giảm... triệu đồng (tỷ đồng...), điều này chứng tỏ doanh nghiệp chỉ cần bán được ít sản phẩm hơn kế hoạch đã có thể thu hồi được vốn, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp.

Nếu  $\Delta T_{hv} > 0$ : thời gian hòa vốn kỳ thực tế tăng lên so với kỳ kế hoạch, cụ thể tăng... ngày (tháng...), điều này cho thấy doanh nghiệp lâu thu hồi được vốn hơn kế hoạch, đây là dấu hiệu không tốt.

$\Delta T_{hv} = 0$ : thời gian hòa vốn kỳ thực tế không đổi so với kỳ kế hoạch

$\Delta T_{hv} < 0$ : thời gian hòa vốn kỳ thực tế giảm so với kỳ kế hoạch, cụ thể giảm... ngày (tháng...), điều này chứng tỏ doanh nghiệp nhanh thu hồi được vốn, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp.

- Đánh giá lợi nhuận gộp

+ Đánh giá sự biến động lợi nhuận gộp

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu lợi nhuận gộp đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta G_f > 0$ : Lợi nhuận gộp kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, cụ thể là tăng lên... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...), đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp, chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn so với kế hoạch

$\Delta G_f = 0$ : Lợi nhuận gộp kỳ thực tế không đổi so với kỳ kế hoạch, chứng tỏ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận gộp

$\Delta G_f < 0$ : Lợi nhuận gộp kỳ thực tế giảm so với kỳ kế hoạch, cụ thể là giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng...), đây là điều không tốt, đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp khắc phục, chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không đạt hiệu quả như kế hoạch đặt ra.

+ Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận gộp

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận gộp cụ thể là:

Lợi nhuận gộp tăng (giảm) là do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

. Nhân tố sản lượng tiêu thụ thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố kết cấu mặt hàng thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố giá bán thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố chiết khấu bán hàng thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố doanh thu hàng bán bị trả lại thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố giảm giá hàng bán thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố thuế thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố giá vốn hàng bán thay đổi làm cho lợi nhuận gộp tăng (giảm) 1 lượng là...

Từ đó đưa ra kết luận về nhân tố chính ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận gộp.

- Đánh giá nhuận thuần

+ Đánh giá sự biến động lợi nhuận thuần

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối về chỉ tiêu lợi nhuận thuần đưa ra kết luận:

Nếu  $\Delta P_f > 0$ : Lợi nhuận thuần kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, cụ thể tăng... % tương ứng tăng... triệu đồng (tỷ đồng...), đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp, chứng tỏ doanh nghiệp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn so với kế hoạch đặt ra.

$\Delta P_f = 0$ : Lợi nhuận thuần kỳ thực tế không đổi so với kỳ kế hoạch, chứng tỏ doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận thuần.

$\Delta P_f < 0$ : Lợi nhuận thuần kỳ thực tế giảm so với kỳ kế hoạch, cụ thể giảm... % tương ứng giảm... triệu đồng (tỷ đồng...), đây là điều không tốt, đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp khắc phục.

+ Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố lên sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận thuần

Dựa vào việc tính toán ảnh hưởng của các nhân tố kết luận về mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận thuần cụ thể là:

Lợi nhuận thuần tăng (giảm) là do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

. Nhân tố sản lượng tiêu thụ thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...

. Nhân tố kết cấu mặt hàng thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...

- . Nhân tố giá bán thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố chiết khấu bán hàng thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố doanh thu hàng bán bị trả lại thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố giảm giá hàng bán thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố thuế thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố giá vốn hàng bán thay đổi làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố tổng chi phí bán hàng giảm (tăng) làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...
- . Nhân tố chi phí quản lý doanh nghiệp giảm (tăng) làm cho lợi nhuận thuần tăng (giảm) 1 lượng là...

Từ đó đưa ra kết luận về nhân tố chính ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận thuần.

**\* Bước 2:** Tìm nguyên nhân của những hạn chế.

Sau khi đánh giá sự biến động của chỉ tiêu cũng như sự tác động của các nhân tố lên sự biến động đó, cần tiến hành tìm hiểu nguyên nhân thực tế dẫn tới những hạn chế mà doanh nghiệp gặp phải. Nguyên nhân này có thể đến từ: thị hiếu của khách hàng, chính sách của nhà nước, chiến lược của doanh nghiệp, các kế hoạch Marketing của doanh nghiệp...

Các nguyên nhân này cần phải được tìm hiểu và nghiên cứu trên thực tiễn điều kiện của doanh nghiệp đang phân tích để làm cơ sở vững chắc cho quá trình đề ra giải pháp ở phần sau.

Một số nguyên nhân thường gặp ảnh hưởng tới tình hình tiêu thụ sản phẩm là:

- Các nguyên nhân thuộc về thị trường bao gồm thị trường trong nước và ngoài nước như đặc điểm tính chất của thị trường, cung cầu hàng hóa trên thị trường, sự biến động giá cả trên thị trường. Những nguyên nhân này tác động trực tiếp đến khối lượng hàng hóa tiêu thụ và giá cả trên thị trường.

- Các nguyên nhân về cơ chế chính sách của Nhà nước Việt Nam cũng như các nước trên thế giới: như chính sách thương mại, chính sách bảo hộ mậu dịch, các qui định luật pháp, luật lệ của các quốc gia, các chính sách ưu đãi thuế và thuế quan, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ chế chính sách cụ thể khác trong từng thời kỳ.

- Các nguyên nhân thuộc về cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp như tình trạng trang bị các thiết bị máy móc, hệ thống kho cửa hàng, phương tiện vận chuyển, mạng lưới kinh doanh... cũng tác động trực tiếp đến doanh thu bán hàng. Ngoài ra vốn

kinh doanh cũng tác động lớn đến quy mô kinh doanh, khả năng dự trữ và thực hiện các đơn đặt hàng lớn của doanh nghiệp.

- Các nguyên nhân về trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ tổ chức quản lý, trình độ tay nghề của công nhân, trình độ nghệ thuật trong giao tiếp ứng xử trong quan hệ với khách hàng, với công chúng có tác động trực tiếp đến khả năng tiêu thụ sản phẩm.

- Do chất lượng sản phẩm có đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của khách hàng hay không.

- Do thị hiếu người tiêu dùng có ưa chuộng sản phẩm của doanh nghiệp không, thị hiếu có thay đổi không.

- Do khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ nhiều hay ít.

- Do khả năng thanh toán của người mua: người mua có đủ khả năng và sẵn sàng chi trả cho sản phẩm của doanh nghiệp không.

### **\* Bước 3: Đề xuất giải pháp**

Từ nguyên nhân tìm được và điều kiện thực tế của doanh nghiệp cần đề ra các giải pháp phù hợp và khả thi đồng thời cần đưa ra các kế hoạch cụ thể về thời gian, đơn vị thực hiện kế hoạch, và kết quả cần đạt được nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh để giúp quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp trong thời gian tới đạt kết quả và hiệu quả hơn nữa. Lưu ý rằng tìm ra bao nhiêu nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại thì sẽ phải đưa ra bấy nhiêu biện pháp khắc phục.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ và tạo lợi nhuận có thể tham khảo như sau:

- Tổ chức tốt công tác nghiên cứu thị trường: nhu cầu, thị hiếu, xu hướng tiêu dùng, khả năng thanh toán... của khách hàng.

- Xây dựng chính sách thu hút khách hàng: cải tiến sản phẩm cả về mẫu mã và chất lượng tạo ra sự khác biệt; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến bán hàng; nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng...

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

- Huấn luyện phát triển nhân sự bán hàng.

- Nghiên cứu kỹ các chính sách của Nhà nước...

### ***KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

- Xác định được chính xác các chỉ tiêu phản ánh về quy mô sản lượng tiêu thụ, chỉ tiêu về tình hình tiêu thụ sản phẩm chủ yếu, chỉ tiêu sản lượng bán ra trong kỳ trong mối quan hệ với sản xuất và dự trữ, các chỉ tiêu hòa vốn, các chỉ tiêu phản ánh sự biến động về lợi nhuận thuần và lợi nhuận gộp.

- Thu thập được số liệu tương ứng với các chỉ tiêu trên và điền vào các dòng trong bảng 1 và bảng 3.

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
2. Tổng doanh thu bán hàng				
3. Các khoản giảm trừ Trong đó: - Chiết khấu thương mại + SP A + SP B + SP C + ... - Giảm giá hàng bán + SP A + SP B + SP C + ... - Doanh thu hàng bán bị trả lại + SP A + SP B + SP C + ... - Thuế + SP A + SP B + SP C + ...				
4. Tổng doanh thu thuần				
5. Tổng lợi nhuận gộp				
6. Tổng lợi nhuận thuần				
8. Sản lượng tiêu thụ				

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
+ SP A + SP B + SP C + ...				
9. Giá bán + SP A Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP B Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III ... + SP C Nếu sản phẩm có chia thứ hạng thì . Thứ hạng I . Thứ hạng II . Thứ hạng III + ...				

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
13. Tổng chi phí Trong đó: - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí nhân công trực tiếp + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí sản xuất chung + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí bán hàng + SP A + SP B + SP C + ... - Chi phí quản lý + SP A + SP B + SP C + ...				



### **\* *Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Xác định được các công thức tính chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch về tiêu thụ và lợi nhuận bao gồm: công thức tính doanh thu tiêu thụ, sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn, thời gian hòa vốn, lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần.

Thành thạo việc tính toán các chỉ tiêu, phải tính toán các chỉ tiêu trong kỳ thực hiện và kỳ gốc làm cơ sở cho việc phân tích và đánh giá ở phần sau.

- Sử dụng phù hợp và chính xác các kỹ thuật của các phương pháp phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận. Trong đó, cần phải:

+ Sử dụng phương pháp so sánh để tính được sự biến động của chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ nhằm phản ánh tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng của một sản phẩm và chung cho nhiều sản phẩm của doanh nghiệp.

+ Sử dụng phương pháp so sánh để tính được sự biến động của tình hình tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp.

+ Sử dụng được phương pháp so sánh để tính được sự biến động của các chỉ tiêu hòa vốn.

+ Sử dụng được phương pháp so sánh trực tiếp để tính được sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận gộp. Đồng thời sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận gộp.

+ Sử dụng được phương pháp so sánh trực tiếp để tính được sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận thuần. Đồng thời sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố lên sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận thuần.

### **\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

- Đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và sự biến động của lợi nhuận. Trong đó, phải đánh giá được:

+ Sự biến động của chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ, từ đó kết luận về tình hình hoàn thành kế hoạch tiêu thụ về mặt quy mô.

+ Sự biến động của chỉ tiêu tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp có hoàn thành kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu hay không.

+ Sự biến động của các chỉ tiêu hòa vốn, từ đó rút ra kết luận trong thực tế thời gian hòa vốn của doanh nghiệp nhanh hơn hay chậm hơn so với kế hoạch.

+ Sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận gộp và đánh giá được tác động của các nhân tố lên sự biến động đó.

+ Sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận thuần và đánh giá được tác động của các nhân tố lên sự biến động đó.

- Tìm ra nguyên nhân thực tế tại doanh nghiệp gây ra những hạn chế trong quá trình quản lý tiêu thụ.

- Đề xuất giải pháp khả thi nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại thực tế tại doanh nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả của quá trình tiêu thụ và thu lợi nhuận.

### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ và sự biến động về lợi nhuận, có thể tham khảo tại:

+ Mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.55.2, chương 5, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích quá trình tiêu thụ và phân lợi nhuận hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tiêu thụ và lợi nhuận.

+ Các tài liệu, số liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

- . Các tài liệu về hợp đồng mua bán sản phẩm của doanh nghiệp với các đối tác.
- . Các bảng thanh lý hợp đồng của doanh nghiệp với các đối tác.
- . Bảng cân đối kế toán.
- . Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các năm.
- . Báo cáo về kế hoạch sản xuất và tiêu thụ qua các năm.
- . Bảng thống kê sản lượng tiêu thụ trong kỳ.
- . Bản hạch toán các khoản chi phí sản xuất và ngoài sản xuất.
- . Tài liệu doanh thu bán hàng tại các cửa hàng, đại lý của doanh nghiệp.
- . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua các năm.
- . Thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp

#### ***\* Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Để thực hiện việc tính toán và xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và sự biến động của lợi nhuận, có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1 và các mục 5.1.2, 5.1.3, 5.1.5, 5.2, chương 5, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tình hình kế hoạch tiêu thụ và lợi nhuận hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tình hình thực hiện kế hoạch về lao động.

**\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

Có thể tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới kết quả tiêu thụ và lợi nhuận tại:

- Mục 5.1.2, chương 5, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật, Công nghiệp.
- Các bản báo cáo, nghiên cứu thị trường của phòng R&D hoặc phòng Marketing trong doanh nghiệp.
- Các dự báo xu hướng thay đổi của thị trường trong các năm.
- Các bản kế hoạch Marketing, xúc tiến bán hàng.
- Các phiếu đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp.
- Các chính sách, quy định của Nhà nước có liên quan đến ngành nghề, sản phẩm mà doanh nghiệp kinh doanh.

## **Phần VI**

### **PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

#### ***MỤC ĐÍCH***

Mục đích phần VI là hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về:

- Xác định các chỉ tiêu phân tích phù hợp phản ánh tình hình thực hiện quản lý và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.
- Thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp phục vụ cho quá trình phân tích.
- Tính toán các chỉ tiêu cần phân tích thông qua các dữ liệu, số liệu đã thu thập được.
- Vận dụng các phương pháp tương ứng với mục đích nghiên cứu vào việc phân tích các chỉ tiêu.
- Đánh giá tình hình biến động vốn lưu động thông qua việc phân tích các chỉ tiêu.
- Tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp giúp đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động và khả năng sinh lời của vốn.

#### ***YÊU CẦU***

1. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động?
2. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động?
3. Xác định số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí của doanh nghiệp?

Các yêu cầu trên tương ứng với các yêu cầu từ số 28 đến yêu cầu số 30 trong đề bài tiểu luận 2.

#### ***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN***

##### **6.1. Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích**

\* **Bước 1:** Xác định chỉ tiêu phản ánh tình hình quản lý và sử dụng vốn lưu động: Chỉ tiêu sức sản xuất của vốn lưu động và sức sinh lợi của vốn lưu động.

\* **Bước 2:** Xác định chỉ tiêu phản ánh sự biến động về tốc độ luân chuyển vốn lưu động:

- + Chỉ tiêu số vòng quay vốn lưu động
- + Độ dài vòng vay vốn lưu động
- + Hệ số đảm nhiệm của vốn lưu động.

\* **Bước 3:** Xác định chỉ tiêu phản ánh số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí: Chỉ tiêu số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí.

\* **Bước 4:** Thu thập tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho quá trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động vốn lưu động đã được xác định ở bước trên.

Việc thu thập tài liệu, số liệu phải đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và có độ tin cậy cao. Sau đó, tiến hành điền số liệu tương ứng với các yếu tố tại bảng 1 và bảng 3.

## 6.2. Tính toán, xử lý dữ liệu

\* **Bước 1:** Xác định công thức tính chỉ tiêu

Vận dụng kiến thức đã được học và các số liệu thu thập được trong thực tế tiến hành xác định công thức phù hợp để tính chỉ tiêu. Công thức cần đảm bảo đầy đủ các nội dung, đảm bảo nguyên tắc tính của từng chỉ tiêu, nguyên tắc sắp xếp bố trí các nhân tố cấu thành nên chỉ tiêu, và tính phù hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu. Trong đó các công thức tính thường được áp dụng đó là:

+ Sức sản xuất của vốn lưu động:

$$\frac{\text{Sức sản xuất của vốn lưu động}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

+ Sức sinh lợi của vốn lưu động:

$$\frac{\text{Sức sinh lợi của vốn}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần (hay lãi gộp)}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

+ Số vòng quay vốn lưu động:

$$\frac{\text{Số vòng quay của vốn lưu động}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

+ Thời gian một vòng quay vốn lưu động:

$$\frac{\text{Thời gian của một vòng luân chuyển}}{\text{Số vòng quay của VLD trong kỳ}} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng quay của VLD trong kỳ}}$$

+ Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động:

$$\frac{\text{Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân}}{\text{Tổng doanh thu thuần}}$$

+ Số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí:

$$\frac{\text{Số vốn lưu động tiết kiệm (-) hay lãng phí (+) do thay đổi tốc độ luân chuyển}}{\text{Thời gian kỳ phân tích}} = \frac{\text{Tổng số doanh thu thuần kỳ phân tích}}{\text{Thời gian kỳ phân tích}} \times \left( \frac{\text{Độ dài vòng luân chuyển kỳ phân tích}}{\text{Độ dài vòng luân chuyển kỳ gốc}} - 1 \right)$$

**\* Bước 2:** Tiến hành tính toán các chỉ tiêu

Tiến hành tính toán các chỉ tiêu ở 2 kỳ liên tiếp dựa vào số liệu đã thu thập trong thực tế và công thức tính được xác định ở bước trên. Việc tính toán cần thận trọng, cẩn thận tránh tình trạng nhầm lẫn dẫn tới kết quả không chính xác làm sai lệch việc phân tích, đánh giá.

Việc tính toán các chỉ tiêu cụ thể như sau:

+ Sức sản xuất của vốn lưu động:

$$\begin{array}{l} \text{Sức sản xuất của} \\ \text{vốn lưu động kỳ} \\ \text{thực tế} \end{array} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ} \\ \text{thực tế}}{\text{Vốn lưu động bình quân} \\ \text{kỳ thực tế}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Sức sản xuất của} \\ \text{vốn lưu động kỳ} \\ \text{kế hoạch} \end{array} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ kế hoạch}}{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ kế hoạch}}$$

+ Sức sinh lợi của vốn lưu động:

$$\begin{array}{l} \text{Sức sinh lợi của vốn} \\ \text{lưu động kỳ thực tế} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần (hay lãi gộp) kỳ} \\ \text{thực tế}}{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ thực} \\ \text{tế}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Sức sinh lợi của vốn} \\ \text{vốn lưu động kỳ kế} \\ \text{hoạch} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần (hay lãi gộp) kỳ} \\ \text{kế hoạch}}{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ kế} \\ \text{hoạch}}$$

+ Số vòng quay vốn lưu động:

$$\begin{array}{l} \text{Số vòng quay của} \\ \text{vốn lưu động kỳ thực} \\ \text{tế} \end{array} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ thực} \\ \text{tế}}{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ} \\ \text{thực tế}}$$

$$\text{Số vòng quay của vốn lưu động kỳ kế hoạch} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ kế hoạch}}{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ kế hoạch}}$$

+ Thời gian một vòng quay vốn lưu động:

$$\text{Thời gian của một vòng luân chuyển kỳ thực tế} = \frac{\text{Thời gian của kỳ thực tế}}{\text{Số vòng quay của VLD trong kỳ thực tế}}$$

$$\text{Thời gian của một vòng luân chuyển kỳ kế hoạch} = \frac{\text{Thời gian của kỳ kế hoạch}}{\text{Số vòng quay của VLD trong kỳ kế hoạch}}$$

+ Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động:

$$\text{Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động kỳ thực tế} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ thực tế}}{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ thực tế}}$$

$$\text{Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động kỳ kế hoạch} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân kỳ kế hoạch}}{\text{Tổng doanh thu thuần kỳ kế hoạch}}$$

+ Số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí:

$$\begin{aligned} \text{Số vốn lưu động tiết kiệm (-) hay lãng phí (+) do thay đổi tốc độ luân chuyển} &= \frac{\text{Tổng số doanh thu thuần kỳ phân tích}}{\text{Thời gian kỳ phân tích}} \times \left( \begin{array}{l} \text{Độ dài} \\ \text{vòng luân} \\ \text{chuyển kỳ} \\ \text{phân tích} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Độ dài} \\ \text{vòng} \\ \text{luân} \\ \text{chuyển} \\ \text{kỳ gốc} \end{array} \right) \end{aligned}$$

\* **Bước 3:** Phân tích, đánh giá sự biến động và nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu đó.

Dựa vào các kiến thức đã được học để lựa chọn phương pháp thích hợp với các mục đích nghiên cứu. Trong đó:

+ Với câu hỏi phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là:

. Với sức sản xuất của vốn lưu động

Tính mức chênh lệch tuyệt đối chỉ tiêu sức sản xuất của vốn lưu động bằng cách lấy giá trị sức sản xuất của vốn lưu động kỳ thực tế trừ đi giá trị sức sản xuất của vốn lưu động kỳ kế hoạch.

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về sức sản xuất của vốn lưu động bằng cách lấy giá trị sức sản xuất của vốn lưu động kỳ thực tế chia cho giá trị sức sản xuất của vốn lưu động kỳ kế hoạch.

. Với sức sinh lợi của vốn lưu động

Tính mức chênh lệch tuyệt đối chỉ tiêu sức sinh lợi của vốn lưu động bằng cách lấy giá trị sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ thực tế trừ đi giá trị sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ kế hoạch.

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về sức sinh lợi của vốn lưu động bằng cách lấy giá trị sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ thực tế chia cho giá trị sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ kế hoạch.

+ Với câu hỏi phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Cụ thể là:

. Với chỉ tiêu số vòng quay vốn lưu động:

Tính mức chênh lệch tuyệt đối chỉ tiêu số vòng quay của vốn lưu động bằng cách lấy giá trị số vòng quay vốn lưu động của kỳ thực tế trừ đi giá trị số vòng quay vốn lưu động của kỳ kế hoạch.

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về số vòng quay vốn lưu động bằng cách lấy giá trị số vòng quay vốn lưu động của kỳ thực tế chia cho giá trị số vòng quay vốn lưu động của kỳ kế hoạch.

. Với chỉ tiêu thời gian một vòng quay vốn lưu động

Tính mức chênh lệch tuyệt đối chỉ tiêu thời gian một vòng quay vốn lưu động bằng cách lấy giá trị thời gian một vòng quay vốn lưu động của kỳ thực tế trừ đi giá trị thời gian một vòng quay vốn lưu động của kỳ kế hoạch.

Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về thời gian một vòng quay vốn lưu động bằng cách lấy giá trị thời gian một vòng quay vốn lưu động của kỳ thực tế chia cho giá trị thời gian một vòng quay vốn lưu động của kỳ kế hoạch.

. Với chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

Tính mức chênh lệch tuyệt đối chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động bằng cách lấy giá trị hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của kỳ thực tế trừ đi giá trị hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của kỳ kế hoạch.



Tính tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về hệ số đảm nhiệm vốn lưu động bằng cách lấy giá trị hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của kỳ thực tế chia cho giá trị hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của kỳ kế hoạch.

### **6.3. Đánh giá và đề xuất giải pháp**

#### **\* Bước 1: Đánh giá tình hình biến động vốn lưu động**

Tiến hành đánh giá tình hình biến động của vốn lưu động và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp thông qua kết quả tính toán và phân tích đã thực hiện ở phần trước. Việc đánh giá cần tiến hành chi tiết từ sự biến động của chỉ tiêu. Trong đó:

Với phương pháp so sánh, nếu số vòng quay và hệ số đảm nhiệm của vốn lưu động càng lớn thì chứng tỏ doanh nghiệp quản lý và sử dụng vốn càng tốt, ngược lại, thời gian 1 vòng quay càng dài chứng tỏ quá trình vay vòng vốn của doanh nghiệp chậm và cần khắc phục.

Khi đánh giá cần chỉ ra được những thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được, cũng như những mặt hạn chế còn tồn tại.

Việc đánh giá từng chỉ tiêu được tiến hành như sau:

- Đánh giá sự biến động sức sản xuất của vốn lưu động

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của chỉ tiêu sức sản xuất của vốn lưu động đưa ra kết luận:

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sản xuất của vốn lưu động của doanh nghiệp lớn hơn 0, chứng tỏ sức sản xuất của vốn lưu động kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sản xuất của vốn lưu động của doanh nghiệp bằng 0, chứng tỏ sức sản xuất của vốn lưu động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch, doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về sức sản xuất của vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sản xuất của vốn lưu động của doanh nghiệp nhỏ hơn 0, chứng tỏ sức sản xuất của vốn lưu động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, đây là tín hiệu không tốt, đòi hỏi doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn lưu động.

- Đánh giá sự biến động sức sinh lợi của vốn lưu động

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của chỉ tiêu sức sinh lợi của vốn lưu động đưa ra kết luận:

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sinh lợi của vốn lưu động của doanh nghiệp lớn hơn 0, chứng tỏ sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sinh lợi của vốn lưu động của doanh nghiệp bằng 0, chứng tỏ sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch, doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về sức sinh lợi của vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về sức sinh lợi của vốn lưu động của doanh nghiệp nhỏ hơn 0, chứng tỏ sức sinh lợi của vốn lưu động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, đây là tín hiệu không tốt, đòi hỏi doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn lưu động.

. Đánh giá chỉ tiêu số vòng quay vốn lưu động

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của chỉ tiêu số vòng quay của vốn lưu động đưa ra kết luận:

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về số vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp lớn hơn 0, chứng tỏ số vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp thể hiện doanh nghiệp nhanh chóng tái đầu tư được vốn.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về số vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp bằng 0, chứng tỏ số vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch, doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về số vòng quay vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về số vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp nhỏ hơn 0, chứng tỏ số vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, đây là tín hiệu không tốt, đòi hỏi doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn lưu động.

. Đánh giá thời gian một vòng quay vốn lưu động

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của chỉ tiêu thời gian một vòng quay vốn lưu động đưa ra kết luận:

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về thời gian một vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp lớn hơn 0, chứng tỏ thời gian một vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, đây là tín hiệu không tốt cho doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về thời gian một vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp bằng 0, chứng tỏ thời gian một vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch, doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về thời gian một vòng quay vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về thời gian một vòng quay vốn lưu động của doanh nghiệp nhỏ hơn 0, chứng tỏ thời gian một vòng quay vốn lưu động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp, thể hiện doanh nghiệp nhanh chóng tái đầu tư được vốn.

. Đánh giá hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

Dựa vào việc tính toán mức chênh lệch tuyệt đối của chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động đưa ra kết luận:

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của doanh nghiệp lớn hơn 0, chứng tỏ hệ số đảm nhiệm vốn lưu động kỳ thực tế tăng lên so với kế hoạch, đây là tín hiệu không tốt cho doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải đưa ra biện pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của doanh nghiệp bằng 0, chứng tỏ hệ số đảm nhiệm vốn lưu động kỳ thực tế không đổi so với kế hoạch, doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch về hệ số đảm nhiệm vốn lưu động.

Nếu mức chênh lệch tuyệt đối về hệ số đảm nhiệm vốn lưu động của doanh nghiệp nhỏ hơn 0, chứng tỏ hệ số đảm nhiệm vốn lưu động kỳ thực tế giảm so với kế hoạch, đây là tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp, thể hiện doanh nghiệp nhanh chóng tái đầu tư được vốn.

- Đánh giá về số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí của doanh nghiệp

Dựa vào việc tính toán số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí của doanh nghiệp đưa ra kết luận:

Nếu kết quả nhỏ hơn 0 chứng tỏ doanh nghiệp đã tiết kiệm được vốn lưu động.

Nếu kết quả lớn hơn 0 chứng tỏ doanh nghiệp đã lãng phí vốn lưu động

Nếu kết quả bằng 0 chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn lưu động hợp lý.

\* **Bước 2:** Tìm nguyên nhân của những hạn chế.

Sau khi đánh giá sự biến động của chỉ tiêu cần tiến hành tìm hiểu nguyên nhân thực tế dẫn tới những hạn chế mà doanh nghiệp gặp phải. Nguyên nhân này có thể đến từ: trình độ quản lý của nhà quản trị, sự biến động của thị trường, sự thay đổi nhu cầu của khách hàng, sự chuyển dịch của các ngành kinh tế...

Các nguyên nhân này cần phải được tìm hiểu và nghiên cứu trên thực tiễn điều kiện của doanh nghiệp đang phân tích để làm cơ sở vững chắc cho quá trình đề ra giải pháp ở phần sau.

\* **Bước 3:** Đề xuất giải pháp

Từ nguyên nhân tìm được và điều kiện thực tế của doanh nghiệp cần đề ra các giải pháp phù hợp và khả thi đồng thời cần đưa ra các kế hoạch cụ thể về thời gian, kết quả cần đạt được nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những mặt mạnh để giúp việc quản lý và sử dụng vốn của doanh nghiệp trong thời gian tới đạt kết quả và hiệu quả hơn nữa. Lưu ý tìm ra bao nhiêu nguyên nhân của những hạn chế tồn tại thì sẽ đưa ra bấy nhiêu giải pháp khắc phục.

### ***KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC***

\* ***Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

- Xác định được chính xác các chỉ tiêu phản ánh sự biến động về hiệu quả sử dụng vốn lưu động bao gồm: sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn lưu động, các chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển vốn lưu động bao gồm: số vòng quay vốn lưu động, độ dài 1 vòng

quay vốn lưu động và hệ số đảm nhiệm vốn lưu động và vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí giữa các kỳ.

- Thu thập được số liệu thực tế tại doanh nghiệp tương ứng với các chỉ tiêu trên và điền vào các dòng tương ứng trong bảng 1 và bảng 3.

**Bảng 1: Tình hình kết quả sản xuất của doanh nghiệp năm N, N+1**

Yếu tố	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
2. Tổng doanh thu bán hàng				
3. Các khoản giảm trừ Trong đó: - Chiết khấu thương mại + SP A + SP B + SP C + ... - Giảm giá hàng bán + SP A + SP B + SP C + ... - Doanh thu hàng bán bị trả lại + SP A + SP B + SP C + ... - Thuế + SP A + SP B + SP C + ...				
4. Tổng doanh thu thuần				
5. Tổng lợi nhuận gộp				

**Bảng 3: Báo cáo chi tiết về 1 số yếu tố đầu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm N, N+1**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm N	Năm N+1	
			KH	TT
18. Vốn lưu động bình quân				

**\* *Tính toán, xử lý dữ liệu***

- Xác định được các công thức tính chỉ tiêu phản ánh sự biến động của vốn lưu động.

- Thành thạo việc tính toán các chỉ tiêu ở 2 kỳ thực hiện và kỳ gốc để làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá ở các bước sau.

- Sử dụng phù hợp và chính xác các kỹ thuật của các phương pháp phân tích sự biến động của vốn lưu động. Trong đó, phải sử dụng thành thạo các phương pháp so sánh nhằm tính toán được sự biến động của các chỉ tiêu sau:

- + Chỉ tiêu sức sản xuất của vốn lưu động.
- + Chỉ tiêu sức sinh lợi của vốn lưu động.
- + Chỉ tiêu số vòng quay vốn lưu động.
- + Chỉ tiêu độ dài 1 vòng quay vốn lưu động.
- + Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động.

**\* *Đánh giá và đề xuất giải pháp***

- Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn lưu động. Trong đó, phải đánh giá được sự biến động của:

+ Sức sản xuất của vốn lưu động, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hay không.

+ Sức sinh lợi của vốn lưu động, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hay không.

+ Số vòng quay của vốn lưu động, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hay không, có nhanh chóng tái đầu tư được vốn lưu động vào quá trình sản xuất hay không.

+ Độ dài của 1 vòng quay vốn lưu động, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hay không, có nhanh chóng tái đầu tư được vốn lưu động vào quá trình sản xuất hay không.

+ Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động, từ đó rút ra kết luận doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hay không, có nhanh chóng tái đầu tư được vốn lưu động vào quá trình sản xuất hay không.

+ Doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vốn lưu động.

- Tìm ra nguyên nhân thực tế tại doanh nghiệp gây ra những hạn chế trong quá trình quản lý vốn.

- Đề xuất giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

### ***TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ THU THẬP THỰC TẾ***

#### ***\* Xác định chỉ tiêu phân tích từ dữ liệu của đề bài phân tích***

Để thực hiện việc xác định các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động vốn lưu động, có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 6.3.3, chương 6, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tài chính doanh nghiệp hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tiêu thụ và lợi nhuận.

+ Số liệu và tài liệu thực tế phục vụ quá trình phân tích có thể được thu thập thông qua:

. Bảng cân đối kế toán.

. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các năm.

. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

. Thuyết minh báo cáo tài chính.

. Các báo cáo kế toán nội bộ khác.

#### ***\* Tính toán, xử lý dữ liệu***

Để thực hiện việc tính toán và xử lý số liệu để phân tích các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động vốn lưu động, có thể tham khảo tại:

+ Mục 1.2, chương 1, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Mục 6.3.3, chương 6, Tài liệu học tập học phần Phân tích hoạt động kinh doanh, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.

+ Các sách viết về phân tích tài chính doanh nghiệp hoặc giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh của các trường đại học trong và ngoài nước.

+ Tìm kiếm, chọn lọc, tham khảo dựa vào công cụ tìm kiếm [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn) về phân tích tiêu thụ và lợi nhuận.

***\* Đánh giá và đề xuất giải pháp***

Có thể tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng tới việc quản lý và sử dụng vốn lưu động tại:

- Các báo cáo kinh tế xã hội của Nhà nước hàng năm.
- Các báo cáo về mức độ tăng trưởng của ngành qua các năm.

## HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY TIỂU LUẬN 2

### LỜI NÓI ĐẦU

#### PHẦN I. ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY...

##### 1.1. Tổng quan về công ty...

##### 1.1.1. Giới thiệu sơ lược về công ty...

##### 1.1.2. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của công ty...

##### 1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty...

##### 1.3. Đặc điểm sản xuất của công ty...

#### PHẦN II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỀ QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY...

##### 2.1. Phân tích kết quả sản xuất về mặt quy mô

##### 2.1.1. Phân tích chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất

##### 2.1.1.1. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất

##### 2.1.1.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản xuất

##### 2.1.2. Phân tích chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa

##### 2.1.2.1. Phân tích sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa

##### 2.1.2.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu tổng giá trị sản lượng hàng hóa

##### 2.1.3. Phân tích kết quả sản xuất trong mối quan hệ cân đối chủ yếu

##### 2.2. Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng

#### TÓM TẮT PHẦN II

#### PHẦN III. PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY...

##### 3.1. Phân tích yếu tố lao động

##### 3.1.1. Phân tích sự biến động số lượng lao động

##### 3.1.2. Phân tích sự biến động chất lượng lao động

##### 3.1.3. Phân tích việc quản lý và sử dụng ngày công lao động

##### 3.1.4. Phân tích việc quản lý và sử dụng giờ công lao động

##### 3.1.5. Phân tích ảnh hưởng các nhân tố đặc thù về lao động lên sự biến động kết quả sản xuất

##### 3.2. Phân tích yếu tố tài sản cố định

##### 3.2.1. Phân tích sự biến động tài sản cố định

##### 3.2.2. Phân tích tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị

##### 3.2.3. Phân tích tình hình sử dụng máy móc thiết bị



- 3.2.4. Phân tích việc quản lý và sử dụng thời gian làm việc của máy móc thiết bị
- 3.2.5. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đặc thù về máy móc thiết bị đến sự biến động của kết quả sản xuất

### TÓM TẮT PHẦN III

## PHẦN IV. PHÂN TÍCH CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH CỦA CÔNG TY...

### 4.1. Phân tích giá thành

#### 4.1.1. Phân tích sự biến động giá thành toàn bộ sản phẩm

#### 4.1.2. Phân tích nhiệm vụ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

4.1.2.1. Phân tích sự biến động chỉ tiêu mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

4.1.2.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động chỉ tiêu mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm so sánh được

#### 4.1.3. Phân tích chỉ tiêu chi phí trên 1000đ giá trị sản lượng hàng hóa

4.1.3.1. Phân tích sự biến động chỉ tiêu chi phí trên 1000đ giá trị sản lượng hàng hóa

4.1.3.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động chỉ tiêu chi phí trên 1000đ giá trị sản lượng hàng hóa

### 4.2. Phân tích các khoản mục chi phí trong giá thành

#### 4.2.1. Phân tích khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

##### 4.2.1.1. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

4.2.1.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

#### 4.2.2. Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

##### 4.2.2.1. Phân tích sự biến động khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

4.2.2.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

### TÓM TẮT PHẦN IV

## PHẦN V. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY...

### 5.1. Phân tích tình hình tiêu thụ

#### 5.1.1. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt khối lượng

#### 5.1.2. Phân tích tình hình tiêu thụ mặt hàng chủ yếu

#### 5.1.3. Phân tích các chỉ tiêu hòa vốn

### 5.2. Phân tích lợi nhuận

#### 5.2.1. Phân tích lợi nhuận gộp

5.2.1.1. Phân tích sự biến động lợi nhuận gộp

5.2.1.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động lợi nhuận gộp

5.2.2. Phân tích lợi nhuận thuần

5.2.2.1. Phân tích sự biến động lợi nhuận thuần

5.2.2.2. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới sự biến động lợi nhuận thuần

TÓM TẮT PHẦN V

PHẦN VI. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY...

6.1. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động

6.2. Phân tích tốc độ luân chuyển vốn lưu động

6.3. Xác định số vốn lưu động tiết kiệm hay lãng phí

TÓM TẮT PHẦN VI

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu học tập học phần phân tích hoạt động kinh doanh (2012), Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp.
2. Các số liệu kinh tế kỹ thuật của doanh nghiệp sinh viên thu thập trong thực tế.
3. GVC Nguyễn Thị My (2009), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Thống kê.
4. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2015), Giáo trình phân tích kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
5. PGS.TS. Trương Bá Thanh (2009), Giáo trình phân tích hoạt động tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng
6. Phạm Văn Dược (2008), Phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Thống kê.